**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN MỞ VÀ SỬ DỤNG**

**TÀI KHOẢN THANH TOÁN, THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA, TÀI KHOẢN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

**TERMS AND CONDITIONS FOR OPENING AND USING PAYMENT ACCOUNTS, DOMESTIC DEBIT CARDS, AND INDIRECT INVESTMENT ACCOUNTS IN VIETNAM FOR INDIVIDUAL CUSTOMERS**

***(Áp dụng cho Khách hàng cá nhân từ ngày………………………)***

***(Applicable to individual customers from)***

Nộidung tại Điều khoản và Điều kiện mở và sử dụng Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ nội địa và tài khoản đặc biệt của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) dưới đây *(gọi tắt là“Bản Điều khoản và Điều kiện”)* áp dụng cho Khách hàng cá nhân (*bao gồm tài khoản thanh toán chung dành cho Khách hàng Cá nhân*) và là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận mở và sử dụng Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ nội địa, Dịch vụ Ngân hàng số dành cho Khách hàng Cá nhân của Ngân hàng TMCP Việt Á (gọi tắt là “*Thỏa thuận*”) đã được ký kết, xác lập giữa VAB với bất kỳ Khách hàng cá nhân nào.

*The terms and conditions for opening and using Payment Accounts, Domestic Debit Cards, and Special-Purpose Accounts of Viet A Commercial Joint Stock Bank (VAB) set forth below (hereinafter referred to as the “Terms and Conditions”) apply to individual customers (including joint payment accounts for individual customers) and constitute an integral part of the Agreement on Opening and Using Payment Accounts, Domestic Debit Cards, and Digital Banking Services for Individual Customers of Viet A Bank (hereinafter referred to as the “Agreement”) as executed and established between VAB and any individual customer.*

**Bản Điều khoản và Điều kiện này bao gồm:**

***These Terms and Conditions include*:**

1. **Phần A – Điều khoản chung: Áp dụng đối với Khách hàng Cá nhân mở và sử dụng Tài khoản thanh toán và Tài khoản đặc biệt tại VAB.**

***Part A – General Provisions:*** *Applicable to individual customers who open and use Payment Accounts and Special-Purpose Accounts at VAB*

1. **Phần B – Điều khoản Tài khoản thanh toán: Áp dụng đối với Khách hàng Cá nhân mở và sử dụng Tài khoản thanh toán tại VAB.**

***Part B – Payment Account Terms:*** *Applicable to individual customers who open and use Payment Accounts at VAB*

1. **Phần C – Điều khoản Tài khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Áp dụng đối với Khách hàng Cá nhân mở và sử dụng Tài khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam tại VAB**

***Part C – Terms for Indirect Foreign Investment Accounts in Vietnam:*** *Applicable to individual customers who open and use Indirect Foreign Investment Accounts in Vietnam at VAB*

1. **Phần D – Dịch vụ thẻ ghi nợ**

*Part D – Debit Card Services*

1. **Phần E – Điều khoản thi hành: Áp dụng đối với Khách hàng Cá nhân mở và sử dụng Tài khoản thanh toán và Tài khoản đặc biệt tại VAB.**

***Part E – Implementation Provisions:*** *Applicable to individual customers who open and use Payment Accounts and Special-Purpose Accounts at VAB*

**PHẦN A – ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

***PART A – GENERAL PROVISIONS***

1. **Giải thích và định nghĩa từ viết tắt**

***Article 1. Interpretation and Definitions of Abbreviations***

Các thuật ngữ trong Bản Điều khoản và Điều kiện này được hiểu như sau:

*The terms used in these Terms and Conditions are understood as follows*:

1. VAB: Ngân hàng TMCP Việt Á;

*VAB: Viet A Commercial Joint Stock Bank*

1. NHNN: Ngân hàng Nhà nước;

*NHNN: State Bank of Vietnam*

1. Tài khoản (TK): Là Tài khoản thanh toán và Tài khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam

*Account (Acc): Means Payment Account and Indirect Foreign Investment Account in Vietnam*

1. Khách hàng (KH): Là các cá nhân đứng tên và ký trên Thỏa thuận mở và sử dụng Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ nội địa, Dịch vụ ngân hàng số dành cho Khách hàng Cá nhân của VAB, bao gồm Chủ tài khoản, Chủ thẻ, Người giám hộ/Người đại diện theo pháp luật;

***Customer (KH):*** *Refers to individuals who are named in and have signed the Agreement on Opening and Using Payment Accounts, Domestic Debit Cards, and Digital Banking Services for Individual Customers of VAB, including the Account Holder, Cardholder, Guardian, or Legal Representative*

1. Tài khoản thanh toán (TKTT) của cá nhân: là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng cá nhân mở tại VAB và do cá nhân đứng tên là chủ sở hữu để sử dụng dịch vụ thanh toán do VAB cung ứng (gọi tắt là chủ tài khoản);

***Individual Payment Account (IPA):*** *Means a demand deposit account opened by an individual customer at VAB, with the individual named as the account holder and owner, used for payment services provided by VAB (hereinafter referred to as the "Account Holder")*

1. Tài khoản đầu tư giáp tiếp nước ngoài vào Việt Nam (TKĐTGT) của tổ cá nhân: Là tài khoản bằng đồng Việt Nam để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp và các giao dịch chuyển vốn hợp pháp khác liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài là người không cư trú.

***Indirect Foreign Investment Account (TKĐTGT) for Individual Customers:*** *Refers to a Vietnamese Dong account used to carry out indirect investment activities and other lawful capital transfer transactions related to indirect foreign investment activities in Vietnam by foreign investors who are non-residents*

1. **FATCA *(Short for The Foreign Account Tax Compliance Act):*** *A United States law on tax compliance for foreign financial accounts held by U.S. persons;*
2. Giấy tờ tùy thân (GTTT)

*Identification Document (ID)*

* 1. Trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam: Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) còn hiệu lực/Giấy khai sinh (đối với cá nhân chưa đủ 14 tuổi và chưa có thẻ căn cước) theo quy định pháp luật;

***In the case of individuals who are Vietnamese citizens:*** *A valid Citizen Identification Card/National ID Card/Electronic Citizen ID (accessible via a Level-2 electronic identification account), or a Birth Certificate (for individuals under 14 years old who have not yet been issued an ID card), in accordance with applicable laws;*

* 1. Trường hợp cá nhân là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước;

***In the case of individuals of Vietnamese origin whose nationality has not been determined:*** *Certificate of Identity;*

* 1. Trường hợp cá nhân là người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác chứng minh được nhân thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp còn thời hạn hiệu lực/danh tính điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02)

***For foreign individuals: A passport or other valid personal identification document issued by a competent foreign authority. For foreigners residing in Vietnam, the following are additionally required: a valid entry visa, or a valid visa-exempt paper, or a valid document certifying visa exemption issued by a competent Vietnamese authority / Electronic identity (accessed via a Level 2 electronic identification account)***

1. Giấy tờ pháp lý của tổ chức (gọi chung là Giấy tờ pháp lý viết tắt là “GTPL”) là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, các tài liệu tương đương khác;

***Legal Documents of Organizations (collectively referred to as "Legal Documents" or "GTPL"):*** *One of the following documents: Establishment Decision, Enterprise Registration Certificate, or other equivalent documents;*

1. Người đại diện theo pháp luật của cá nhân và Người giám hộ: Theo quy định tại Bộ luật Dân sự hiện hành và các văn bản liên quan (nếu có);

***Legal Representative and Guardian of an Individual:*** *As defined in the current Civil Code and other* ***relevant*** *legal documents (if any)*

1. Sinh trắc học: Là những thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học cá biệt và ổn định của một người để nhận diện, phân biệt người này với người khác như: vân tay, khuôn mặt, mống mắt, giọng nói…

***Biometrics:*** *Physical attributes or unique and stable biological characteristics of a person used to identify and distinguish that person from others, such as fingerprints, facial features, iris, voice, etc*

1. Chủ thẻ: Là cá nhân được VAB cung cấp Thẻ ghi nợ nội địa để sử dụng, bao gồm Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ (nếu có);

***Cardholder:*** *An individual to whom VAB issues a domestic debit card for use, including the Primary Cardholder and any Supplementary Cardholders (if any)*

1. Chủ thẻ chính: Là cá nhân đứng tên, ký tên trên Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ nội địa, dịch vụ ngân hàng số dành cho khách hàng cá nhân;

***Primary Cardholder:*** *An individual whose name and signature appear on the Agreement for opening* ***and*** *using the payment account, domestic debit card, and digital banking services for individual customers;*

1. Chủ thẻ phụ: Là cá nhân được Chủ thẻ chính yêu cầu cấp Thẻ và sử dụng chung tài khoản thanh toán Thẻ với Chủ thẻ chính;

***Supplementary Cardholder:*** *An individual authorized by the Primary Cardholder to be issued a card and to use the payment account jointly with the Primary Cardholder;*

1. Thẻ ngân hàng: Là phương tiện thanh toán do tổ chức phát hành thẻ phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều kiện, điều khoản được các Bên thỏa thuận;

***Bank Card:*** *A payment instrument issued by a card-issuing organization to perform card transactions under terms and conditions agreed upon by the parties;*

1. Thẻ ghi nợ nội địa VAB: Là thẻ cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền và/hoặc hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại VAB (sau đây gọi là Thẻ);

***VAB Domestic Debit Card:*** *A card that allows the cardholder to perform transactions within the* ***balance*** *and/or overdraft limit on the payment account opened at VAB (hereinafter referred to as the "Card").*

1. Đơn vị kinh doanh: Là các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và các Đơn vị có chức năng kinh doanh theo quy định của Ngân hàng TMCP Việt Á trong từng thời kỳ;

***Business Unit:*** *Branches, transaction offices, and units authorized to conduct business functions as regulated by Viet A Commercial Joint Stock Bank (VAB) at each respective period.*

1. Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT): Là thành viên chính thức hoặc liên kết của tổ chức thẻ trong nước, quốc tế thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ;

***Card Issuing Organization (CIO):*** *An official or affiliated member of domestic or international card organizations that performs card issuing operations.*

1. Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT): Là thành viên chính thức hoặc liên kết của tổ chức thẻ trong nước, quốc tế thực hiện nghiệp vụ thanh toán thẻ;

***Card Payment Organization (CPO):*** *An official or affiliated member of domestic or international card organizations that performs card payment processing operations.*

1. Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT): Là đơn vị chấp nhận thanh toán chấp nhận thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng thẻ;

***Card Accepting Unit (CAU):*** *Units that accept payment for goods and services by card.*

1. Mã số xác định chủ thẻ (mã PIN): Là mã số bí mật của Chủ thẻ, do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật. Đây là mã số được VAB cấp cho Chủ thẻ lần đầu và, hoặc mã số Chủ thẻ tự thay đổi, quản lý để sử dụng trong các giao dịch Thẻ;

***Cardholder Identification Number (PIN):*** *A secret number assigned to the Cardholder, for which the Cardholder is responsible for maintaining confidentiality. This number is initially issued by VAB and/or changed and managed by the Cardholder for use in Card transactions.*

1. OTP (One Time Password): Là mật khẩu sử dụng một lần trong một khoảng thời gian nhất định, có thể tùy biến do VAB cấp cho chủ thẻ qua các phương tiện khác nhau như Website, thư điện tử, điện thoại di động và các thiết bị cung cấp mật khẩu chuyên dùng khác khi thanh toán trực tuyến;

***OTP (One Time Password):*** *A password used once within a certain time frame, customizable and issued by VAB to the Cardholder via various channels such as Website, email, mobile phone****, and*** *other specialized password devices for online payment*.

1. Thời hạn hiệu lực của thẻ: Là khoảng thời gian mà chủ thẻ được phép sử dụng Thẻ theo quy định của VAB;

***Card Validity Period:*** *The period during which the Cardholder is authorized to use the Card as regulated by VAB.*

1. Thẻ giả: Là thẻ không do VAB phát hành nhưng có chứa các thông tin của thẻ thật, chủ thẻ thật;

***Counterfeit Card:*** *A card not issued by VAB but containing information of a genuine card and genuine* ***cardholder.***

1. Giao dịch thẻ: Là việc sử dụng thẻ để gửi, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hàng hóa, dịch vụ và sử dụng các dịch vụ khác do VAB và các Tổ chức thanh toán thẻ khác cung ứng;

***Card Transactions:*** *Use of the card to deposit, withdraw cash, transfer funds, pay for goods and* ***services****, and use other services provided by VAB and other card payment organizations.*

1. Giao dịch thẻ gian lận, giả mạo: Là giao dịch bằng thẻ giả, giao dịch sử dụng trái phép thẻ;

***Fraudulent or Counterfeit Card Transactions:*** *Transactions using counterfeit cards or* ***unauthorized*** *use of cards.*

1. Giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT: Là việc sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhưng thực tế không phát sinh việc mua bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ;

***False Payment Transactions at Card Accepting Units:*** *Use of a card to pay for goods or services where no actual sale or provision of goods or services has occurred.*

1. Hoá đơn giao dịch: Là chứng từ xác nhận giao dịch hoàn thành do chủ thẻ thực hiện bằng thẻ;

***Transaction Receipt:*** *A document confirming the completion of a transaction conducted by the Cardholder using the card.*

1. Hạn mức giao dịch thẻ: là số tiền và/hoặc số lần giao dịch trong một khoảng thời gian nhất định mà VAB cho phép chủ thẻ sử dụng cho các giao dịch thẻ theo quy định từng thời kỳ của VAB;

***Card Transaction Limit:*** *The amount and/or number of transactions allowed by VAB within a specified time frame for Cardholder transactions as regulated by VAB at each period.*

1. Máy giao dịch tự động (ATM/CDM): Là thiết bị được ngân hàng sử dụng để cung cấp cho khách hàng một số dịch vụ ngân hàng tự động, bao gồm nhưng không giới hạn các dịch vụ, như: Rút/gửi tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, v.v...;

***Automated Teller Machine (ATM/CDM):*** *Equipment used by the bank to provide customers with automated banking services, including but not limited to cash withdrawal/deposit, fund transfer, bill payment, etc.*

1. Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán (POS, mPOS, QR Code, v.v...): Là các loại thiết bị và/hoặc ứng dụng được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT/chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ hoặc rút/ứng tiền mặt và các dịch vụ khác do Ngân hàng cung cấp;

***Point-of-Sale Card Acceptance Devices (POS, mPOS, QR Code, etc.):*** *Devices and/or applications* ***installed*** *and used at Card Accepting Units or branches/transaction offices of the Bank, allowing Cardholders to pay for goods and services, withdraw/advance cash, and access other services provided by the Bank.*

1. Dịch vụ: Bao gồm Dịch vụ TKTT và Dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa VAB;

***Services:*** *Include Payment Account Services and VAB Domestic Debit Card Services*.

1. Trường hợp bất khả kháng: Là trường hợp xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trường hợp bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin bị trục trặc, thiên tai, hay bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của VAB, hay do hậu quả của việc gian lận, giả mạo và/hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

***Force Majeure:*** *Objective events that are unforeseeable and unavoidable despite all necessary and* ***possible*** *measures being taken. Force majeure events include but are not limited to system or communication failures, natural disasters, or any events beyond the control of VAB, as well as consequences of fraud, counterfeiting, and/or other cases as prescribed by law.*

1. **Đóng tài khoản thanh toán:**

***Article 2. Closure of Payment Account***

* + 1. VAB thực hiện đóng TKTT của KH trong các trường hợp sau:

*VAB shall close the Customer's Payment Account in the following cases:*

* 1. Có yêu cầu đóng TKTT bằng văn bản của chủ tài khoản và chủ tài khoản đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến TKTT;

*Upon receiving a written request for account closure from the Account Holder, provided that the Account Holder has fulfilled all obligations related to the Payment Account*

* 1. Chủ tài khoản là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết;

*The Account Holder, being an individual, is deceased or has been declared dead by a competent authority*

* 1. Khách hàng mở hoặc duy trì TKTT, ví điện tử nặc danh, mạo danh, mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn TKTT, ví điện tử, thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ thẻ ngân hàng (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh); lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin TKTT, thông tin thẻ ngân hàng, thông tin ví điện tử;

*The customer opens or maintains anonymous or fraudulent payment accounts or e-wallets; is involved in the buying, selling, renting, or lending of payment accounts, e-wallets, or bank cards on behalf of others (except for anonymous prepaid cards); or steals, conspires to steal, or trades payment account information, bank card information, or e-wallet information;*

* 1. Khách hàng thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng TKTT, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác;

*The customer engages in, organizes, or facilitates acts such as using or misusing payment accounts, payment instruments, payment services, or intermediary payment services for gambling, organizing gambling, fraud, deception, illegal business activities, or other violations of the law;*

* 1. VAB được quyền đóng TKTT của Khách hàng trong trường hợp TKTT không có số dư và không phát sinh giao dịch được thực hiện theo yêu cầu từ Khách hàng trong vòng 12 tháng liên tục. VAB phải thông báo cho Khách hàng 30 ngày trước khi đóng TKTT thông qua các phương thức theo quy định của VAB từng thời kỳ. Sau 30 ngày kể từ ngày VAB thông báo với Khách hàng, nếu VAB không nhận được thông tin phản hồi của Khách hàng vê việc tiếp tục có nhu cầu sử dụng tài khoản, hoặc khách hàng không chủ động thực hiện ghi có/nợ trên tài khoản thanh toán này, VAB hiểu rằng khách hàng không còn nhu cầu sử dụng tài khoản và sẽ thực hiện đóng tài khoản thanh toán này;

*VAB has the right to close a customer’s Payment Account if the account has a zero balance and no transactions initiated by the customer have occurred within a continuous period of 12 months. VAB must notify the customer 30 days in advance via communication methods as prescribed by VAB from time to time. If VAB receives no response from the customer within 30 days from the date of notification, or if the customer fails to initiate a credit/debit transaction on the account, VAB shall consider that the customer no longer wishes to use the account and will proceed to close the Payment Account;*

* 1. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

*Other cases as prescribed by law.*

* + 1. Số dư còn lại trên TKTT khi đóng TKTT được:

*Remaining balance in the Payment Account upon closure shall be:*

* 1. Thanh toán phí dịch vụ liên quan theo biểu phí của VAB; Chi trả theo yêu cầu của chủ TKTT hoặc được thực hiên theo thỏa thuận trước giữa chủ TKTT và VAB; trường hợp chủ TKTT là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc chi trả thực hiện theo yêu cầu người đại diện theo pháp luật, người giám hộ phù hợp với quy định pháp luật dân sự; hoặc chi trả cho người thừa kế, đại diện thừa kế hợp pháp trong trường hợp chủ TKTT là các nhân bị chết, bị tuyên bố đã chết;

*Used to pay for related service fees according to VAB’s fee schedule; disbursed upon request of the Account Holder or as previously agreed between the Account Holder and VAB. In cases where the Account Holder is a person lacking legal capacity, a person with cognitive or behavioral difficulties, or a person with limited legal capacity, disbursement shall be made upon request of the legal representative or guardian in accordance with the Civil Code; in cases where the Account Holder is deceased or declared dead, disbursement shall be made to lawful heirs or legal representatives;*

* 1. Chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

*Disbursed according to decisions of competent authorities as prescribed by law;*

* 1. Xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên TKTT đã được thông báo mà không đến nhận.

*Handled in accordance with legal regulations in cases where the lawful beneficiary of the remaining balance has been notified but fails to claim it.*

* + 1. Sau khi đóng TKTT, VAB phải thông báo cho chủ TKTT, người đại diện hoặc người thừa kế hợp pháp biết trong trường hợp chủ TKTT của cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết. Trường hợp chủ TKTT, người đại diện hoặc người thừa kế hợp pháp đã được thông báo nhưng không đến nhận hoặc chủ TKTT vi phạm pháp luật trong thanh toán hoặc vi phạm thỏa thuận với VAB thì VAB kết chuyển số dư còn lại khi đóng TKTT vào tài khoản treo chờ xử lý.

*After closing the Payment Account, VAB shall notify the Account Holder, or the legal representative or lawful heir in case the Account Holder is deceased or declared dead. If the Account Holder, legal representative, or lawful heir has been notified but fails to claim the funds, or if the Account Holder has violated laws on payment or breached the agreement with VAB, VAB shall transfer the remaining balance to a suspense account pending settlement.*

1. **Sửa đổi, bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện:**

***Article 3. Amendments and Supplements to the Terms and Conditions***

* + - 1. VAB được quyền điều chỉnh, thay đổi và bổ sung các nội dung của Bản Điều khoản và Điều kiện này để phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước mà không cần được sự đồng ý trước của Khách hàng. Tự động cập nhật các Điều kiện Giao dịch chung này tại website của VAB tại địa chỉ: <https://vietabank.com.vn> và/hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định VAB từng thời kỳ

*VAB reserves the right to amend, modify, and supplement the contents of these Terms and Conditions to comply with regulations of the State Bank of Vietnam without prior consent from the Customer. These General Terms and Conditions shall be automatically updated on VAB’s website at https://vietabank.com.vn and/or through mass media as prescribed by VAB from time to time.*

* + - 1. Khi có sự điều chỉnh, thay đổi và bổ sung, VAB sẽ thông báo trước cho Khách hàng tối thiểu 03 (*ba*) ngày đối với Dịch vụ TKTT và 07 (*bảy*) ngày đối với Dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa VAB bằng các phương thức và/hoặc qua các kênh thông tin khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và/hoặc niêm yết công khai tại các Đơn vị kinh doanh của VAB và/hoặc thông báo trên website chính thức của VAB theo địa chỉ [www.vietabank.com.vn](http://www.vietabank.com.vn), trừ trường hợp VAB phải thực hiện ngay việc điều chỉnh, thay đổi và bổ sung đó theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

*In the event of any amendments, modifications, or supplements, VAB shall notify the Customer in advance at least* ***03 (three) days*** *for Payment Account Services and* ***07 (seven) days*** *for VAB Domestic Debit Card Services via methods and/or information channels in accordance with VAB's regulations from time to time and/or by public notice at VAB’s business units and/or via the official website of VAB at* [*www.vietabank.com.vn*](http://www.vietabank.com.vn)*, except where such changes must be implemented immediately in accordance with the law and/or upon request of competent state authorities.*

* + - 1. Nếu Khách hàng không đồng ý các Bản Điều khoản và Điều kiện của VAB đưa ra, Khách hàng có quyền không tiếp tục sử dụng dịch vụ và thông báo bằng văn bản cho VAB. Việc chấm dứt sử dụng các dịch vụ của Khách hàng đã đăng ký với VAB có hiệu lực khi được VAB xác nhận bằng văn bản và Khách hàng đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ với VAB.

*If the Customer does not agree with the amended Terms and Conditions issued by VAB, the Customer has the right to stop using the services and must notify VAB in writing. The termination of the use of services previously registered by the Customer with VAB shall become effective upon VAB’s written confirmation and after the Customer has fulfilled all obligations with VAB.*

* + - 1. Việc Khách hàng vẫn tiếp tục sử dụng các dịch vụ sau khi VAB điều chỉnh, thay đổi và bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện này được mặc nhiên hiểu rằng Khách hàng chấp nhận hoàn toàn những nội dung điều chỉnh, thay đổi và bổ sung đó và VAB không cần phải có thêm bất kỳ chấp thuận nào khác của Khách hàng.

*Continued use of the services by the Customer after VAB has amended, modified, or supplemented these Terms and Conditions shall be deemed as full acceptance by the Customer of such changes, and VAB shall not be required to obtain any further consent from the Customer.*

1. **Tra soát, khiếu nại:**

***Article 4. Investigation and Complaints***

1. Khi phát sinh các vấn đề cần tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng Dịch vụ, Khách hàng thông báo đến VAB qua tổng đài [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 hoặc tại các Đơn vị kinh doanh của VAB. Thời hạn khách hàng được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại là 90 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại. Quá thời hạn quy định trên, VAB không nhận được các tra soát/khiếu nại thì coi như Chủ tài khoản thanh toán đồng ý với tất cả các giao dịch và phí phát sinh trên tài khoản thanh toán, Thẻ.

*In the event of any issues requiring investigation or complaints during service usage, the Customer shall notify VAB via the hotline 1900 555 590 / 02836 222 590 or at VAB's business units. The Customer has 90 days from the transaction date in question to request an investigation or submit a complaint. After this period, if VAB does not receive any investigation/complaint request, the Account Holder shall be deemed to have accepted all transactions and fees incurred on the payment account and/or Card.*

1. Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại:

*Timeframe for processing investigations and complaints:*

* 1. VAB xử lý tra soát, khiếu nại của khách hàng trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ và hợp lệ chứng từ đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của khách hàng.

*VAB shall process the Customer’s initial investigation or complaint request within a maximum of* ***30 working days*** *from the date of receipt of all valid and complete supporting documents.*

* 1. Riêng đối với Dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa VAB thời hạn giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại là[[1]](#footnote-1):

*For VAB Domestic Debit Card Services, the processing times are as follows:*

* Giao dịch tại máy ATM của VAB (kể cả tại máy ATM của ngân hàng liên minh) là 08 (tám) ngày làm việc kể từ khi nhận được khiếu nại của KH lần 1 và 07 (bảy) ngày làm việc đối với yêu cầu tra soát lần 2;

*ATM transactions (including at ATMs of allied banks):*

* *First complaint: within 8 working days from receipt*
* *Second request: within 7 working days*
* Giao dịch tại POS của VAB (kể cả tại máy POS của ngân hàng liên minh) là 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được khiếu nại của KH đối với yêu cầu tra soát lần 1 và 7 (bảy) ngày làm việc đối với yêu cầu tra soát lần 2.

*POS transactions (including at POS terminals of allied banks):*

* *First complaint: within 13 working days from receipt*
* *Second request: within 7 working days*
  1. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại cho khách hàng, VAB thực hiện bồi hoàn tổn thất cho Khách hàng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của khách hàng và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại nói trên mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, VAB thoả thuận với khách hàng về phương án xử lý tra soát, khiếu nại;

*Within a maximum of* ***5 working days*** *from the date VAB notifies the Customer of the investigation/complaint resolution result, VAB shall reimburse the Customer for any losses incurred that are not due to the Customer’s fault and/or are not categorized as Force Majeure under these Terms and Conditions, in accordance with current legal regulations and mutual agreements. If the cause or responsibility remains undetermined by the end of the above processing period, VAB shall negotiate with the Customer on a resolution plan within the following* ***15 working days***

* 1. Trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tra soát, xử lý khiếu nại nói trên mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, VAB thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý tra soát, khiếu nại, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật;

*If, after the stated processing period, no resolution is reached and the cause or party at fault remains undetermined, VAB shall continue discussions with the Customer to agree on a settlement plan within the next* ***15 working days****. If no agreement can be reached, the dispute shall be resolved in accordance with applicable law*

* 1. Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, VAB sẽ thực hiện tố giác, báo tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn); đồng thời, thông báo bằng văn bản cho khách hàng về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, VAB thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại.

*In cases where signs of criminal activity are detected, VAB shall report the matter to the competent state authorities in accordance with criminal procedure law and submit a written report to the State Bank of Vietnam (Payment Department and/or the relevant provincial/municipal branch). VAB shall also inform the Customer in writing of the status of their investigation/complaint. If the competent authority concludes that no criminal activity occurred, VAB shall, within* ***15 working days*** *of receiving such a conclusion, work with the Customer to determine a resolution plan.*

* 1. Trường hợp VAB, Chủ tài khoản thanh toán, Thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định pháp luật.

*If VAB, the Account Holder/Cardholder, and other related parties cannot reach an agreement or do not accept the proposed resolution of the investigation/complaint, the dispute shall be resolved in accordance with the provisions of law.*

1. **Phí và hạn mức:**

***Article 5. Fees and Limits***

Hạn mức các Dịch vụ các loại hình phí dịch vụ và mức thu phí sẽ được VAB ban hành trong từng thời kỳ.

*Service limits, types of service fees, and applicable fee rates shall be issued by VAB from time to time.*

Hạn mức và biểu phí Dịch vụ được VAB công bố trên website theo địa chỉ [www.vietabank.com.vn](http://www.vietabank.com.vn) và tại Đơn vị kinh doanh của VAB để thuận tiện cho Khách hàng theo dõi.

*Service limits and the fee schedule shall be published by VAB on its official website at* [*www.vietabank.com.vn*](http://www.vietabank.com.vn) *and at VAB’s business units for the Customer’s convenience.*

Khi có sự thay đổi về hạn mức sử dụng và phí, biểu phí mới sẽ được gửi tới khách hàng bằng phương thức và/hoặc qua các kênh thông tin khác theo quy định của VAB từng thời kỳ tối thiểu 03 (*ba*) ngày đối với Dịch vụ TKTT và 07 (*bảy*) ngày đối với Dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa VAB trước khi được áp dụng.

*In the event of any changes to service limits or fees, the updated fee schedule shall be communicated to the Customer via methods and/or information channels as prescribed by VAB from time to time, at least* ***03 (three) days*** *in advance for Payment Account Services and* ***07 (seven) days*** *in advance for VAB Domestic Debit Card Services before such changes take effect.*

1. **Thông báo:**

***Article 6. Notifications***

1. Các thông báo, thông tin liên quan đến các Điều khoản và Điều kiện này được VAB thực hiện qua một/các phương thức sau: Gửi SMS, gọi điện thoại, gửi bưu điện (thư tín); giao tận tay hoặc fax/telex theo thông tin của các bên ghi tại phần đầu Thỏa thuận này.

*Notifications and information related to these Terms and Conditions shall be provided by VAB via one or more of the following methods: SMS, phone calls, postal mail, hand delivery, or fax/telex, using the contact details provided by the parties in the opening section of this Agreement.*

1. Các văn bản thông báo, trao đổi thông tin giữa KH và VAB được coi là đã nhận vào thời điểm dưới đây:

*Written notices and exchanges of information between the Customer and VAB shall be deemed received at the following times:*

* 1. Vào thời điểm giao hoặc gọi điện thoại: Nếu chuyển tiếp bằng tay hoặc gọi điện;

*At the time of delivery or phone call, if delivered by hand or communicated via telephone;*

* 1. 07 (*bảy*) ngày làm việc theo dấu bưu điện (*với điều kiện là cước phí đã trả trước và điền đúng địa chỉ*) nếu là gửi bằng thư tín;

*7 (seven) working days from the postmark date (provided postage was prepaid and the correct address was used), if sent by postal mail;*

* 1. Khi đã được phát đi, nếu gửi bằng telex (với điều kiện là phải có tín hiệu phản hồi chuẩn ở phần đầu và phần cuối trên bản thông báo từ phía bên gửi); hoặc

*Upon transmission, if sent by telex (provided there is a proper acknowledgment signal at both* ***the*** *beginning and end of the message from the sender's side); or*

* 1. 24 (*hai mươi* tư) giờ sau khi gửi và có báo cáo về việc gửi fax hoàn thành tại máy gửi, nếu gửi bằng fax;

***24 (twenty-four) hours*** *after transmission and with a successful fax delivery report from the sender’s machine, if sent by fax;*

* 1. Đối với tin nhắn SMS: Được báo gửi thành công.

*For SMS: Upon receipt of a delivery success notification*.

1. Mọi thông báo, trao đổi thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này nhận được vào một ngày không phải là Ngày làm việc hoặc vào sau giờ làm việc tại nơi nhận sẽ được coi là được nhận vào Ngày làm việc tiếp theo tại địa điểm đó.

*Any notices or communications sent per Clause 2 of this Article and received on a non-business day or after business hours at the recipient’s location shall be deemed received on the next business day at that location.*

1. Trường hợp KH có thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ với VAB cần thông báo với VAB bằng văn bản, nếu không thông báo thì VAB thực hiện gửi thông báo tới các thông tin địa chỉ, số điện thoại, email cũ và mặc nhiên coi như KH đã nhận được thông báo theo quy định tại Khoản 2 Điều này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc với KH và VAB

*In the event that the Customer changes their address, phone number, or email used for communication with VAB, the Customer must notify VAB in writing. If the Customer fails to provide such notification, VAB will continue to send communications to the previously provided contact information, and such notifications shall be deemed to have been received by the Customer in accordance with Clause 2 of this Article. The contents of such notifications shall be legally binding on both the Customer and VAB.*

1. **Bảo mật thông tin và tuân thủ pháp luật:**

***Article 7. Confidentiality and Legal Compliance***

1. KH và VAB có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến các giao dịch và sản phẩm, dịch vụ do VAB cung cấp cho KH. KH và VAB cam kết chỉ sử dụng thông tin cho mục đích thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này và thỏa thuận khác (nếu có) giữa KH và VAB trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật.

*The Customer and VAB are responsible for keeping all information related to transactions and products/services provided by VAB confidential. Both parties agree to use such information solely for the purpose of exercising their rights and obligations as specified in the Agreement, these Terms and Conditions, and any other agreements (if applicable) between the Customer and VAB, in accordance with applicable laws.*

1. Thông tin KH sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trừ trường hợp:

*Customer information shall not be disclosed to any individuals or organizations as stipulated in Clause 1 of this Article, except in the following cases:*

* 1. VAB cung cấp cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhằm mục đích hoạt động, quản lý và tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam hoặc theo các Hiệp ước, Cam kết quốc tế mà Việt Nam gia nhập, ký kết và/hoặc phải tuân thủ;

*VAB provides such information to competent state authorities, organizations, or individuals for the purposes of operation, management, and compliance with the laws of Vietnam or in accordance with treaties or international commitments to which Vietnam is a party or is obliged to comply;*

* 1. VAB cung cấp cho các đơn vị trực thuộc nhằm phục vụ các yêu cầu trong hoạt động nội bộ của VAB (*bao gồm các mục đích quản lý tín dụng và rủi ro, quy hoạch và phát triển hệ thống hoặc sản phẩm, bảo hiểm, kiểm toán và điều hành*);

*VAB provides such information to its affiliated units for internal operational purposes (including but not limited to credit and risk management, system or product development and planning, insurance, audit, and administration);*

* 1. VAB cung cấp cho bên thứ ba bao gồm nhưng không giới hạn: các tổ chức tín dụng phục vụ người thụ hưởng hoặc người chuyển tiền, các ngân hàng đại lý, các tổ chức trung gian thanh toán, các tổ chức thẻ quốc tế, các tổ chức chuyển mạch thẻ, các bên cung cấp dịch vụ hoặc các bên liên kết của VAB nhằm mục đích thực hiện các giao dịch của Khách hàng, các hoạt động quản lý rủi ro tội phạm tài chính, phòng chống rửa tiền và các tội phạm khác; xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm quy định pháp luật;

*VAB provides such information to third parties including but not limited to: beneficiary or remitter financial institutions, correspondent banks, intermediary payment organizations, international card organizations, card switching organizations, service providers, or VAB affiliates to carry out Customer transactions, manage financial crime risks, prevent money laundering and other crimes; and address suspected fraud, forgery, or legal violations;*

* 1. Được sự chấp thuận của Khách hàng bằng văn bản;

*With the written consent of the Customer;*

* 1. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

*Other cases as required or permitted by law*.

1. Nội dung tại Khoản 2 Điều này sẽ tiếp tục được áp dụng ngay cả trong trường hợp các Bản Điều khoản và Điều kiện này bị chấm dứt, hoặc trường hợp VAB ngừng cung cấp bất kỳ dịch vụ nào cho Khách Hàng hoặc trường hợp đóng bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng.

*The provisions of Clause 2 of this Article shall remain in effect even if these Terms and Conditions are terminated, or VAB ceases to provide any services to the Customer, or any of the Customer’s accounts are closed*.

1. Bằng việc thực hiện ký Thỏa thuận, KH đã đọc, hiểu và đồng ý áp dụng, phối hợp và cam kết tuân thủ Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của VAB ban hành, đăng tải trên website theo địa chỉ [www.vietabank.com.vn](http://www.vietabank.com.vn) và/hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định VAB từng thời kỳ. VAB được miễn trách nhiệm và được yêu cầu bồi thường các thiệt hại, chi phí liên quan khi KH không thực hiện đúng nội dung tại Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của VAB.

*By signing the Agreement, the Customer confirms they have read, understood, and agree to comply with and cooperate in implementing VAB’s General Terms and Conditions on the Protection and Processing of Personal Data, published on VAB’s website at* [*www.vietabank.com.vn*](http://www.vietabank.com.vn) *and/or other public communication channels as regulated by VAB from time to time. VAB shall not be held liable and shall be entitled to compensation for any damages or costs arising from the Customer’s failure to comply with such data protection and processing terms.*

1. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này và thỏa thuận khác (nếu có) giữa KH và VAB, KH cam kết luôn tuân thủ pháp luật, bao gồm và không giới hạn về các quy định: Fatca, phòng, chống tham nhũng, rửa tiền, khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và/hoặc đối tượng bị áp dụng các quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo vệ môi trường, vi phạm/che giấy việc vi phạm các quy định về cấm vận/trừng phạt, …; chịu toàn bộ trách nhiệm trước Pháp luật và bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan (nếu có) khi vi phạm cam kết này và VAB được miễn trách nhiệm liên quan.

*In performing their rights and obligations under the Agreement, these Terms and Conditions, and any other agreements between the Customer and VAB (if applicable), the Customer commits to fully comply with the law, including but not limited to FATCA regulations, anti-corruption, anti-money laundering, anti-terrorism, combating the financing of terrorism and the proliferation of weapons of mass destruction, sanctions or embargoes imposed by competent courts or authorities, environmental protection regulations, and others. The Customer shall bear full legal responsibility and compensate any related parties (if applicable) for any violations of this commitment, and VAB shall be held harmless.*

**PHẦN B – ĐIỀU KHOẢN TÀI KHOẢN THANH TOÁN**

**PART B – PAYMENT ACCOUNT TERMS**

1. **Nguyên tắc mở và sử dụng TKTT:**

***Article 8. Principles for Opening and Using Payment Accounts***

1. Chủ TKTT được sử dụng TKTT để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu VAB cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định của VAB và pháp luật hiện hành.

*The Account Holder is entitled to use the Payment Account (TKTT) to deposit, withdraw cash, and request VAB to provide payment services via the account, such as: provision of payment instruments; payment services involving checks, payment orders, collection orders, direct debits, debit cards, fund transfers, collection on behalf, disbursement on behalf, and other value-added services in accordance with VAB's regulations and current laws.*

1. Việc sử dụng TKTT được mở để phục vụ việc theo dõi các khoản tiền ký quỹ, đảm bảo khả năng thanh toán và các mục đích khác theo quy định pháp luật phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan. VAB không được chủ động trích Nợ đối với các khoản tiền ký quỹ, số tiền trên tài khoản đảm bảo thanh toán, các khoản tiền để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp khoản tiền ký quỹ, khoản tiền để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho chính VAB.

*The use of TKTT for tracking deposit amounts, ensuring payment obligations, or other lawful purposes must comply with applicable laws. VAB shall not unilaterally debit amounts from deposit accounts, funds ensuring payment obligations, or secured amounts for obligations under the law, except where such deposits or secured amounts are to guarantee obligations to VAB itself.*

1. Việc sử dụng TKTT chung phải thực hiện đúng theo các nội dung tại văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý, sử dụng TKTT chung của các chủ tài khoản và phải tuân theo các nguyên tắc sau:

*The use of joint TKTTs must comply with the terms outlined in the agreement (or contract) governing management and use of the joint account by the account holders, and must follow these principles:*

* 1. Các chủ TKTT chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với TKTT chung và việc sử dụng TKTT chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chù tài khoản. Mỗi chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng TKTT chung;

*Joint account holders have equal rights and obligations over the account. Usage of the account must be approved by all joint holders. Each account holder is liable for all debts arising from the use of the joint account;*

* 1. Trong mọi trường hợp VAB không có trách nhiệm phân chia số tiền trên TKTT chung cho từng chủ TKTT chung;

*VAB is not responsible for dividing funds among the joint account holders;*

* 1. VAB có quyền phong tỏa TKTT chung khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của một trong các chủ TKTT chung và/hoặc có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa VAB và các chủ TKTT chung. VAB thực hiện chấm dứt phong tỏa hoặc đóng TKTT chung khi tất cả các chủ TKTT chung có yêu cầu và/hoặc các chủ TKTT chung xuất trình giấy tờ hợp pháp, hợp lệ chứng minh tranh chấp đã được giải quyết;

*VAB has the right to freeze a joint account upon written request from any one of the joint account holders and/or based on prior written agreement between VAB and all joint holders. The freeze or closure of the account will only be lifted or executed when all joint holders request it and/or provide valid legal documents proving the dispute has been resolved;*

* 1. Thông báo liên quan đến việc sử dụng TKTT chung phải được gửi đến tất cả các chủ tài khoản, trừ trường hợp giữa VAB và các chủ TKTT chung có thỏa thuận khác. Trong trường hợp chọn “Thỏa thuận khác” thì người thực hiện giao dịch có trách nhiệm thông báo với chủ TKTT chung còn lại. VAB không chịu trách nhiệm thông báo cho từng chủ TKTT;

*Notices regarding the joint account must be sent to all account holders, unless another arrangement has been agreed upon between VAB and the joint holders. In case of an alternative agreement, the person making the transaction must inform the other joint holders. VAB is not responsible for notifying each holder;*

* 1. Từng chủ TKTT chung có thể ủy quyền cho người khác (bao gồm chủ TKTT chung còn lại) thay mặt mình sử dụng TKTT chung nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ TKTT chung còn lại. Nội dung ủy quyền phải phù hợp với quy định của pháp luật và VAB trong từng thời kỳ;

*Any joint account holder may authorize another person (including other joint holders) to act on their behalf to use the joint account, but written consent of all other joint holders is required. The authorization must comply with current legal regulations and VAB's policies;*

* 1. Các chủ TKTT chung cam kết chịu trách nhiệm liên đới thanh toán các chi phí và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng TKTT chung. VAB có quyền yêu cầu một trong các chủ TKTT chung và/hoặc các chủ TKTT chung thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng TKTT chung theo đúng quy định của VAB.

*Joint account holders agree to be jointly liable for all costs and obligations arising from the use of the account. VAB has the right to request any or all joint holders to fulfill obligations arising from the use of the account;*

* 1. Khi một trong các chủ thể đứng tên mở TKTT chung là tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng TKTT chung được giải quyết theo quy định của pháp luật;

*If any joint account holder is an organization that is dissolved, bankrupt, or ceases operation under law, the rights and obligations concerning the joint account shall be resolved in accordance with applicable law;*

* 1. Trường hợp các chủ TKTT chung có quốc tịch, tình trạng cư trú khác nhau thì TKTT chung chỉ được sử dụng trong phạm vi được phép của tất cả các chủ TKTT chung theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

*If joint account holders have different nationalities or residency statuses, the joint account may only be used within the permissible scope defined by applicable foreign exchange laws for all joint holders.*

1. Khách hàng sử dụng TKTT đảm bảo nguyên tắc:

*Customers using TKTT must comply with the following principles:*

* 1. Chỉ được thực hiện rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử trên TKTT khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức) với[[2]](#footnote-2):

*Withdrawal or electronic payment transactions may only be conducted after successful identity verification through valid identity documents and biometric data of the legal representative (for organizational customers) with:*

1. Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước của người đó đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc

*Biometric data stored in the encrypted chip of the Citizen ID Card or Identity Card issued and verified by the Police, or via an authenticated digital identity account created by the National Identification and Authentication System; or*

1. Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc

*Biometric data collected through face-to-face interaction in the case of foreigners who do not use digital identity, or individuals of Vietnamese origin without determined nationality; or*

1. Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập); hoặc

*Previously collected and verified biometric data that matches data in the encrypted chip of a verified Citizen ID Card or with data from the authenticated digital identity system; or*

1. Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa;

*Biometric data stored in the National Population Database, in case of Citizen ID Cards without encrypted chip storage;*

* 1. Áp dụng các biện pháp xác thực đối với từng loại giao dịch trong thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng bằng phương tiện điện tử;

*Authentication measures must be applied according to the type of transaction, in line with State Bank regulations on safety and security in the provision of electronic banking services.*

1. Việc sử dụng TKTT bằng bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định của VAB và các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

*The use of TKTTs in foreign currencies must comply with VAB's policies and applicable foreign exchange management laws.*

1. Việc xử lý tra soát, khiếu nại trong sử dụng TKTT thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ TKTT với VAB và quy định về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

*Dispute resolution and complaint handling regarding TKTT usage shall be conducted according to the agreement between the account holder and VAB and in accordance with regulations on non-cash payment services.*

1. **Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng**

***Article 9. Rights and Obligations of the Customer***

1. **Quyền của Khách hàng:**

***Customer Rights***

* 1. Sử dụng số tiền trên tài khoản của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ.

*To use the funds in their account to carry out lawful and valid payment orders.*

* 1. Lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do VAB cung cấp phù hợp với yêu cầu, khả năng và quy định của pháp luật.

*To choose payment instruments, services, and utilities provided by VAB that align with their needs, capabilities, and legal regulations*.

* 1. Ủy quyền cho người khác sử dụng TKTT theo quy định của VAB từng thời kỳ và quy định pháp luật. Khi muốn hủy và/hoặc thay đổi người được ủy quyền, Khách hàng phải thông báo cho VAB bằng văn bản trước khi thực hiện hủy/thay đổi.

*To authorize others to use the payment account (TKTT) in accordance with VAB’s policies and applicable law. When revoking or changing an authorized person, the Customer must notify VAB in writing before the revocation/change takes effect.*

* 1. Yêu cầu VAB thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản của mình mở tại VAB theo thỏa thuận với VAB.

*To request VAB to carry out lawful and valid payment orders and to receive information on payment transactions and account balances as per agreements with VAB*.

* 1. Yêu cầu VAB thực hiện việc phong tỏa, chấm dứt phong tỏa, đóng TKTT đã mở trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và quy định liên quan; được gửi thông báo cho VAB về việc phát sinh tranh chấp về TKTT chung giữa các chủ TKTT chung.

*To request VAB to freeze, unfreeze, or close a TKTT, in accordance with legal regulations and related provisions; and to notify VAB of any disputes related to joint accounts between joint account holders.*

* 1. Yêu cầu VAB hướng dẫn quản lý, sử dụng TKTT an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, tra soát, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng TKTT theo thỏa thuận với VAB.

*To request VAB to guide on safe management and use of the TKTT and to resolve questions, trace requests, or complaints during the process of account opening and usage, in accordance with agreements with VAB.*

* 1. Hưởng lãi suất cho số tiền trên TKTT theo mức lãi suất không kỳ hạn do VAB quy định tùy theo đặc điểm của tài khoản, số dư tài khoản và phù hợp với cơ chế quản lý lãi suất của NHNN và được niêm yết công khai trên website và/hoặc tại các Đơn vị kinh doanh của VAB.

*To earn interest on the balance of the TKTT at a non-term interest rate determined by VAB depending on the account type, balance, and in accordance with the interest rate regulations of the State Bank of Vietnam (SBV), which is publicly disclosed on VAB’s website and/or at VAB's business units.*

* 1. Các quyền khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ

*Other rights specified in the Agreement, these Terms and Conditions, other agreements (if any), and according to laws and VAB’s policies from time to time.*

1. **Nghĩa vụ của Khách hàng**

***Customer Obligations***

* 1. Tuân thủ các quy định, thủ tục, hướng dẫn của VAB liên quan đến việc mở và sử dụng TKTT theo quy định của NHNN và của VAB được ban hành từng thời kỳ.

*To comply with all regulations, procedures, and guidelines issued by VAB related to account opening and usage as per SBV and VAB’s applicable regulations.*

* 1. Thanh toán đúng và đầy đủ các khoản phí dịch vụ theo biểu phí của VAB công bố trên website hoặc tại các Đơn vị kinh doanh của VAB từng thời kỳ.

*To pay all applicable service fees in full and on time, as per the fee schedule published on VAB’s website or at its business units from time to time.*

* 1. Không được cho thuê, cho mượn TKTT của mình.

*Not to lease or lend their TKTT to any third party.*

* 1. Đảm bảo có đủ tiền trên TKTT để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với VAB thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản.

*To ensure sufficient balance in the TKTT to execute payment orders. In the case of an overdraft agreement with VAB, the customer must fulfill all obligations related to any overdrawn amount.*

* 1. Hoàn trả hoặc phối hợp với VAB hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào TKTT của mình mở tại VAB.

*To return or coordinate with VAB to return any amount mistakenly or erroneously credited to their TKTT.*

* 1. Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, rõ ràng, chính xác về các thông tin liên quan đến việc mở và sử dụng TKTT đồng thời cập nhật và thông báo bằng văn bản cho VAB bất kỳ sự thay đổi nào về những thông tin đã đăng ký (nếu có). Trường hợp không thông báo, nếu có phát sinh rủi ro, tổn thất thì Khách hàng phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ do lỗi của mình hoặc do không cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin. Khách hàng cam kết chịu mọi rủi ro bao gồm cả thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không thống nhất.

*To provide and be responsible for the completeness, clarity, and accuracy of information related to the account opening and usage. Any changes to registered information must be promptly reported in writing to VAB. Failure to notify may result in the customer bearing full responsibility for any errors, misuse, or fraud due to incorrect, incomplete, or outdated information. The customer shall bear all associated risks, including financial loss and incurred costs.*

* 1. Nhận thức đầy đủ và cam kết chịu rủi ro trong trường hợp các giao dịch thanh toán, chuyển tiền của Khách hàng bị các tổ chức nước ngoài hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu, niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do liên quan đến các yếu tố cấm vận, tội phạm, khủng bố, tài trợ khủng bổ, rửa tiền, đối tượng bị áp dụng lệnh tòa án, cơ quan tại nước ngoài hoặc các lý do khác).

*To fully understand and accept the risks in case their transactions are seized, frozen, or delayed by foreign organizations or governments (due to sanctions, crimes, terrorism, terrorist financing, money laundering, court orders, or other reasons).*

* 1. KH ủy quyền cho VAB được quyền trích nợ TKTT của KH theo các quy định pháp luật và/hoặc thực hiện bù trừ các nghĩa vụ của KH tại VAB và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa VAB và KH.

*To authorize VAB to debit their TKTT in accordance with the law and/or offset the customer’s obligations at VAB or for other cases as agreed between the customer and VAB*

* 1. Chịu trách nhiệm đảm bảo quyền sở hữu số tiền trong TKTT là hợp pháp.

*To ensure that the ownership of the funds in the TKTT is lawful.*

* 1. Kịp thời thông báo cho VAB khi phát hiện thấy những sai sót, nhầm lẫn trên TKTT của mình hoặc nghi ngờ TKTT của mình bị lợi dụng; Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc do bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản do lỗi của Khách hàng.

*To promptly notify VAB of any discrepancies or suspected misuse of their TKTT. The customer is liable for any losses due to errors or misuse/fraud in using payment services through the account caused by their own fault*.

* 1. Không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật hiện hành.

*Not to engage in prohibited acts related to the opening and use of TKTT as stipulated by current laws.*

* 1. Các nghĩa vụ khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.

*To fulfill other obligations as specified in the Agreement, these Terms and Conditions, other agreements (if any), and under legal and VAB regulations from time to time.*

1. **Quyền và nghĩa vụ của VAB**

***Article 10. Rights and Obligations of VAB***

1. **Quyền của VAB:**

***Rights of VAB***

* 1. Được miễn trách nhiệm đối với những thiệt hại mất mát mà Khách hàng phải chịu phát sinh do lỗi của Khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi: không tuân thủ quy định mở và sử dụng TKTT, sử dụng sai mục đích tài khoản, gian lận hoặc bị lừa đảo, giả mạo,… và/hoặc do Khách hàng không thực hiện đúng hướng dẫn/quy định của VAB và/hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng trong quá trình sử dụng dịch vụ của VAB.

*VAB is exempt from liability for any losses or damages suffered by the Customer arising from the Customer’s fault, including but not limited to: non-compliance with account opening and usage regulations, misuse of the account, fraud, deception, forgery, and/or failure to follow VAB’s instructions/regulations and/or due to force majeure events during service usage.*

* 1. Được thu phí dịch vụ đối với Khách hàng theo đúng biểu phí dịch vụ được công bố trên Website hoặc tại các Đơn vị kinh doanh của VAB.

*VAB is entitled to collect service fees from the Customer in accordance with the fee schedule published on its website or at VAB's business units*.

* 1. Trong trường hợp phát hiện Khách hàng vi phạm các thỏa thuận đã có với VAB và/hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, VAB có quyền không thực hiện các yêu cầu sử dụng dịch vụ của Khách hàng, giữ lại tang vật và thông báo ngay với cấp có thẩm quyền xem xét và xử lý.

*If the Customer violates agreements with VAB and/or shows signs of legal violations, VAB has the right to refuse service requests, retain relevant items, and promptly report to competent authorities for review and resolution.*

* 1. Được quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung, cập nhật hồ sơ khi hồ sơ giao dịch của KH hết hiệu lực; Được quyền từ chối thực hiện giao dịch khi hồ sơ Khách hàng chưa được cập nhật/đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

*VAB may request the Customer to supplement or update documents if the transaction records have expired. VAB has the right to refuse transactions if customer documents are outdated or invalid under applicable law*.

* 1. Được quyền trích (Ghi nợ) TKTT của Khách hàng trong các trường hợp sau:

*VAB has the right to debit the Customer’s payment account (TKTT) in the following cases:*

* 1. Để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi, các khoản phải trả của Khách hàng với VAB và các chi phí phát sinh trong quá trình quản lý TKTT và cung ứng các dịch vụ thanh toán (bao gồm dịch vụ cung ứng trên TKTT khác của Khách hàng); các khoản phí (bao gồm và không giới hạn phí rút tiền từ TKTT và các loại phí phát sinh từ các nghiệp vụ khác như rút tiền gửi có kỳ hạn….) và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định (nếu có), Việc trích Nợ TKTT phải thông báo cho chủ TKTT biết;

*To collect due or overdue debts, interest, payables to VAB, and costs arising from account management or service provision (including on other accounts of the Customer at VAB); service fees (including, but not limited to, withdrawal fees and fees related to time deposit withdrawal, etc.) and other financial obligations (if any), with prior notification to the Customer;*

* 1. Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác của Khách hàng theo quy định của pháp luật; thông báo cho chủ TKTT biết trong trường hợp được phép theo quy định pháp luật;

*As per written requests from competent state agencies to enforce decisions on administrative penalties, judgments, tax collection, or other payment obligations under the law. VAB will notify the Customer if legally permitted;*

* 1. Điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của TKTT theo quy định của pháp luật và thông báo cho Khách hàng biết;

*To adjust misposted or misclassified entries or inappropriate use of account per legal regulations, with notification to the Customer;*

* 1. Phát hiện đã ghi Có nhầm vào TKTT của Khách hàng hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập; việc trích Nợ TKTT phải thông báo cho chủ TKTT biết;

*If a credit entry is made in error or a cancellation request is received from a payment service provider due to a discrepancy with the payer’s instructions, with notification to the Customer;*

* 1. Để khấu trừ thuế theo quy định của FATCA (nếu có);

*To withhold tax as per FATCA regulations (if applicable);*

* 1. Các trường hợp khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và quy định pháp luật hiện hành.

*Other cases per VAB’s internal regulations or applicable laws.*

* 1. Có quyền từ chối/ ngừng thực hiện các lệnh thanh toán của Khách hàng trong các trường hợp sau:

*VAB may refuse or suspend execution of the Customer’s payment orders in the following cases:*

* + - * 1. Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ hoặc Khách hàng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán hoặc yếu tố trên lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT thanh toán hoặc lệnh thanh toán không phù hợp với các thỏa thuận mở và sử dụng TKTT giữa VAB và Khách hàng;

*The payment order is unlawful, invalid, or the Customer fails to complete the necessary procedures, or transaction details do not match registered information, or the order is inconsistent with VAB’s agreements;*

* + - * 1. TKTT không đủ số dư hoặc vượt hạn mức thấu chi được phép sử dụng để đảm bảo cho việc thực hiện các lệnh thanh toán;

*Insufficient account balance or exceeding the authorized overdraft limit;*

* + - * 1. Khi có yêu cầu bằng văn bản của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền;

*Upon written request of competent state agencies or if there is evidence of money laundering, terrorist financing, or related activities as per anti-money laundering laws;*

* + - * 1. TKTT đang bị phong tỏa toàn bộ hoặc TKTT đang bị đóng; TKTT bị phong tỏa một phần nhưng phần không bị phong tỏa không đủ số dư (trừ trường hợp được thấu chi) hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện các lệnh thanh toán;

*The account is fully or partially frozen and the available balance is insufficient (unless covered by overdraft);*

* + - * 1. Chủ TKTT vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định VAB từng thời kỳ và quy định pháp luật;

*The Customer violates prohibited activities as defined by VAB and applicable law;*

* + - * 1. Chủ TKTT từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về nhận biết khách hàng theo yêu cầu của VAB hoặc khi có nghi ngờ về tính trung thực của thông tin và mục đích giao dịch đối với các giao dịch đặc biệt phải giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền;

*The Customer refuses to provide required KYC information or provides incomplete/inaccurate data, or if there is suspicion about the transaction's authenticity or purpose, especially for monitored transactions under anti-money laundering regulations;*

* + - * 1. TKTT có dấu hiệu liên quan đến lừa đảo gian lận, hoặc bị nghi ngờ lừa đảo gian lận, phục vụ cho mục đích bất hợp pháp theo các tiêu chí của VAB;

*The account is suspected of being involved in fraud or illegal activities, based on VAB’s risk assessment criteria;*

* + - * 1. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của VAB trong từng thời kỳ.

*Other cases as per applicable law or VAB’s internal regulations*.

* 1. Từ chối thực hiện yêu cầu phong tỏa, đóng, phong tỏa TKTT của Khách hàng khi Khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho VAB.

*VAB may refuse requests to freeze or close an account if the Customer has not fulfilled payment obligations under enforcement decisions from competent authorities or outstanding debts to VAB.*

* 1. Quy định về số dư tối thiểu trên tài khoản và thông báo công khai trên website: [www.vietabank.com.vn](http://www.vietabank.com.vn) và/hoặc tại các Đơn vị kinh doanh của VAB để Khách hàng biết.

*VAB may set a minimum balance requirement and will publicly disclose it on the website* [*www.vietabank.com.vn*](http://www.vietabank.com.vn) *and/or at its business units*.

* 1. Thông báo về các thay đổi đối với Dịch vụ, các chương trình khuyến mại đối với Dịch vụ, cảnh báo các rủi ro khi thực hiện Dịch vụ và các thông báo khác phục vụ cho việc sử dụng dịch vụ tới Khách hàng theo các cách thức phù hợp với quy định nội bộ và quy định pháp luật (gửi tin nhắn điện thoại, email, văn bản, thông qua website, tại các điểm giao dịch và các phương tiện truyền thông,…).

*VAB may notify Customers of changes to services, promotional programs, risk warnings, or other service-related information via appropriate channels (SMS, email, letters, website, transaction counters, media, etc.), in line with internal policies and legal regulations.*

* 1. Quy định và áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình mở và sử dụng TKTT phù hợp với quy định nội bộ VAB và quy định pháp luật.

*VAB may establish and apply safety and security measures during account opening and use, in accordance with its internal rules and applicable law.*

* 1. Các quyền khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ

*VAB retains other rights stated in the Agreement, these Terms and Conditions, other agreements (if any), and relevant regulations on opening and using payment accounts*.

* 1. VAB được quyền chuyển đổi loại TKTT của Khách hàng và Khách hàng đồng ý thực hiện chuyển đổi trong trường hợp VAB ngừng triển khai dịch vụ với loại TKTT mà Khách hàng đang sử dụng. VAB sẽ thông báo (thông qua email, OTT,.......) cho Khách hàng trong vòng 30 ngày trước khi chuyển đổi loại TKTT của KH thông qua các phương thức theo quy định của VAB từng thời kỳ. Sau 30 ngày kể từ ngày VAB thông báo với Khách hàng, VAB sẽ thực hiện chuyển đổi loại TKTT cho KH.

*VAB has the right to convert the Customer's current account type and the Customer agrees to convert in case VAB stops providing services with the current account type that the Customer is using. VAB will notify (via email, OTT,.......) the Customer within 30 days before converting the Customer's current account type through the methods prescribed by VAB from time to time. After 30 days from the date VAB notifies the Customer, VAB will convert the current account type for the Customer*.

1. **Nghĩa vụ của VAB:**

***Obligations of VAB***

* 1. Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mấu dấu (nếu có) của khách hàng đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng TKTT.

*Safely store and regularly update all signature specimens and seals (if any) registered by* *the Customer for verification and comparison during the use of the payment account (TKTT).*

* 1. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán, các yêu cầu sử dụng tài khoản của Khách hàng phù hợp với quy định hoặc thỏa thuận giữa VAB với Khách hàng trên cơ sở các chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ, đúng quy định; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Nợ đối với TKTT của Khách hàng; phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào TKTT của khách hàng theo đề nghị của VAB phục vụ bên chuyển tiền do sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập.

*Promptly and fully execute payment orders and account usage requests from the Customer in accordance with legal regulations or agreements between VAB and the Customer, based on valid and lawful accounting documents. Timely refund any amounts incorrectly debited from the Customer’s TKTT due to VAB’s errors. Coordinate the refund of amounts mistakenly credited to the Customer’s TKTT as determined by VAB upon request from the remitting party, if the transfer differs from the original payment order.*

* 1. Thông tin đầy đủ, kịp thời về số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT; việc TKTT bị phong tỏa, đóng (theo quy định pháp luật); thời điểm hết hạn hiệu lực, hạn sử dụng của giấy tờ tùy thân trong hồ sơ mở TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT và VAB đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp.

*Provide full and timely information about account balances and transaction history; inform the Customer of any account freezes, closures (as prescribed by law); notify expiration of personal identification documents in the account file, and provide other necessary information during the use of the TKTT. VAB is responsible for the accuracy of the information it provides.*

* 1. Cập nhật thông tin khách hàng định kỳ hoặc khi khách hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở TKTT và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định khách hàng có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do VAB ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ TKTT và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật.

*Periodically update Customer information or upon Customer notification of changes to the account records. Promptly update and verify Customer identification information when the Customer is classified as high-risk based on VAB’s internal criteria. Preserve and store TKTT records and transaction documents in accordance with legal requirements.*

* 1. Tiếp nhận và giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại dịch vụ của Khách hàng theo đúng cách thức đã thỏa thuận với Khách hàng và quy định của pháp luật.

*Receive and resolve service-related trace/complaint requests from the Customer in accordance with procedures agreed upon and as required by law*.

* 1. Bảo mật các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, các thông tin liên quan đến TKTT và các giao dịch trên TKTT của khách hàng theo quy định của pháp luật.

*Ensure confidentiality of the Customer’s personal data or any personal data provided by the Customer, as well as information related to the TKTT and transactions thereon, in compliance with applicable laws.*

* 1. Hướng dẫn Khách hàng sử dụng TKTT an toàn, thông báo, giải thích cho Khách hàng về hành vi bị cấm trong mở và sử dụng TKTT và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của Khách hàng trong mở và sử dụng TKTT theo quy định của VAB tùy từng thời kỳ và thỏa thuận giữa chủ TKTT với VAB.

*Provide guidance to the Customer on secure usage of the TKTT; inform and explain prohibited acts regarding account opening and use; promptly address and resolve Customer inquiries and complaints related to TKTT in accordance with VAB’s policies and any agreements between the Customer and VAB from time to time*.

* 1. Các nghĩa vụ khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về mở và sử dụng TKTT theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.

*Fulfill other obligations as specified in the Agreement, these Terms and Conditions, other agreements (if any), and relevant legal and internal regulations of VAB concerning payment account operations.*

1. **Phong tỏa và chấm dứt phong tỏa TKTT**

***Article 11. Freezing and Unfreezing of Payment Accounts (TKTT)***

1. VAB thực hiện phong tỏa tài khoản một phần hoặc toàn bộ số tiền trên TKTT của KH trong các trường hợp sau:

*VAB shall freeze part or all of the funds in the Customer’s Payment Account in the following cases:*

* 1. Có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

*There is a decision or written request from a competent authority in accordance with the law;*

* 1. Theo thỏa thuận trước giữa chủ TKTT và VAB hoặc theo yêu cầu của chủ tài khoản;

*Based on a prior agreement between the account holder and VAB or upon the account holder’s request;*

* 1. VAB phát hiện thấy có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào TKTT của KH hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền sau khi ghi Có vào TKTT của khách hàng, số tiền bị phong tỏa trên TKTT không vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót;

*VAB detects errors or mistakes in crediting the Customer’s account, or receives a request for return of funds from the payment service provider due to discrepancies or mistakes compared to the payment order of the remitter, after the amount was credited to the Customer's account. The frozen amount shall not exceed the amount in error;*

* 1. Có thông báo bằng văn bản của một trong các chủ TKTT chung trừ trường hợp có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa VAB và các chủ TKTT chung;

*Upon written notice from one of the joint account holders, unless otherwise agreed in writing between VAB and all joint account holders;*

* 1. Khi có nghi ngờ TKTT của KH gian lận, vi phạm pháp luật theo quy định của VAB trong từng thời kỳ;

*When the Customer’s account is suspected of fraud or legal violations, as per VAB’s regulations from time to time;*

* 1. VAB phát hiện có sai lệch/có dấu hiệu bất thường giữa các thông tin nhận biết KH với các yếu tố sinh trắc học của KH trong quá trình mở và sử dụng TKTT được VAB quy định trong từng thời kỳ;

*When VAB detects discrepancies or suspicious inconsistencies between the Customer’s identification information and biometric data during the account opening or usage process, as defined by VAB from time to time;*

* 1. Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.

*Other cases as permitted by applicable laws.*

1. Tài khoản sẽ chấm dứt phong tỏa khi có một trong các điều kiện sau:

*The account shall be unfrozen when one of the following conditions is met:*

* 1. Kết thúc thời hạn phong tỏa;

*The freezing period ends;*

* 1. Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ TKTT và VAB;

*As agreed in writing between the account holder and VAB;*

* 1. Khi có quyết định chấm dứt phong tỏa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

*Upon a decision to unfreeze issued by a competent authority as prescribed by law;*

* 1. Sai sót, nhầm lẫn về việc chuyển tiền đã được xử lý xong tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này;

*The error or mistake related to fund transfer mentioned in Clause 1.3 of this Article has been resolved;*

* 1. Khi có yêu cầu chấm dứt phong tỏa của tất cả các chủ TKTT chung hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa VAB và các chủ TKTT chung;

*Upon a request to unfreeze from all joint account holders or as per a prior written agreement between VAB and the joint account holders;*

* 1. Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.

*Other cases as permitted by applicable laws.*

1. Sau khi phong tỏa VAB phải thông báo cho chủ TKTT mở TKTT biết về lý do và phạm vi phong tỏa TKTT sau khi phong tỏa TKTT (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu VAB không thông báo cho KH về việc phong tỏa TKTT).

*After freezing the account, VAB must notify the account holder of the reason and scope of the freeze, unless a competent authority has issued a written request for VAB not to notify the Customer*

1. Số tiền bị phong tỏa trên TKTT phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp TKTT bị phong tỏa một phần số tiền trên TKTT thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

*The frozen amount in the account must be preserved and strictly monitored according to the freezing scope. If only part of the account is frozen, the remaining unfrozen amount may be used normally.*

**PHẦN C – ĐIỀU KHOẢN TÀI KHOẢN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM.**

***SECTION C – REGULATIONS ON ACCOUNTS FOR FOREIGN INDIRECT INVESTMENT INTVIETNAM***

1. **Quy định về mở và sử dụng tài khoản bằng đồng Việt Nam để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.**

***Article 12. Regulations on Opening and Using VND Accounts for Foreign Indirect Investment in Vietnam***

1. **Nguyên tắc chung**

***General Principles***

* 1. Hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư, chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

*Foreign indirect investment activities in Vietnam must comply with the laws on investment, securities, and other relevant legal regulations.*

* 1. Mọi giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thông qua tài khoản đầu tư gián tiếp là TKTT bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại VAB.

*All receipts and payments related to foreign indirect investment activities in Vietnam by foreign investors must be made through an indirect investment account — a Vietnamese Dong (VND) payment account opened by the foreign investor at VAB.*

* 1. Việc mở và sử dụng tài khoản đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này. Những nội dung về mở và sử dụng tài khoản không quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của VAB về mở và sử dụng TKTT.

*The opening and use of the indirect investment account shall follow the terms of this Terms and Conditions Document. Any matters not specified herein shall comply with applicable laws and VAB’s regulations on opening and using payment accounts (TKTT).*

* 1. Quyền, nghĩa vụ của VAB và nhà đầu tư nước ngoài trong việc mở và sử dụng tài khoản đầu tư gián tiếp thực hiện theo Điều 9, Điều 10, khoản 5 Điều 12 Bản Điều khoản và Điều kiện này, quy định của pháp luật và quy định của VAB về mở và sử dụng TKTT.

*The rights and obligations of VAB and foreign investors in opening and using indirect investment accounts are governed by Articles 9 and 10, Clause 5 of this Article, legal regulations, and VAB’s internal regulations*.

* 1. Số dư trên tài khoản đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư nước ngoài không được chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm.

*The balance in the foreign investor’s indirect investment account may not be transferred to fixed-term or savings deposits*.

* 1. Nhà đầu tư nước ngoài không được mở tài khoản đầu tư gián tiếp chung (có hai chủ thể trở lên cùng đứng tên mở tài khoản) để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

*Foreign investors are not permitted to open joint indirect investment accounts (i.e., accounts under the name of more than one entity) for conducting foreign indirect investment in Vietnam.*

* 1. Các lệnh chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài phải được ghi rõ mục đích chuyển tiền để VAB có cơ sở đối chiếu, kiểm tra, lưu giữ chứng từ và thực hiện giao dịch.

*All money transfer instructions related to indirect investment in Vietnam must clearly state the transfer purpose so that VAB can verify, retain supporting documents, and execute the transaction accordingly.*

1. **Các giao dịch phải thực hiện mở và sử dụng tài khoản đầu tư gián tiếp**

***Transactions Requiring the Use of an Indirect Investment Account***

Các giao dịch đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam sau đây phải thực hiện mở và sử dụng tài khoản đầu tư gián tiếp

*Foreign indirect investment activities in Vietnam that must be carried out through an indirect investment account include:*

* 1. Mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam và mua, bán các giấy tờ có giá khác.

*Buying and selling securities on Vietnam’s stock exchanges and trading in other valuable papers*.

* 1. Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào doanh nghiệp chưa niêm yết không thuộc đối tượng mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định tại Thông tư số [06/2019/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Thong-tu-06-2019-TT-NHNN-quan-ly-ngoai-hoi-hoat-dong-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-vao-Viet-Nam-419723.aspx" \t "_blank) ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

*Contributing capital, purchasing shares or equity in unlisted companies not subject to the requirement of opening a direct investment capital account under Circular No. 06/2019/TT-NHNN dated June 26, 2019, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam, and its amendments or replacements (if any).*

* 1. Ủy thác đầu tư bằng đồng Việt Nam thông qua công ty quản lý quỹ và các tổ chức được phép thực hiện nghiệp vụ nhận ủy thác đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

*Entrusted investment in VND through fund management companies and other organizations permitted to undertake entrusted investment activities in accordance with law*

* 1. Mua, bán các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

*Buying and selling other types of securities in accordance with securities laws.*

1. **Mở tài khoản đầu tư gián tiếp**

***Opening an Indirect Investment Account***

Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được mở 01 (một) tài khoản đầu tư gián tiếp (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này) tại 01 (một) ngân hàng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

*A foreign investor is allowed to open* ***only one (01)*** *indirect investment account (except as provided in Clause b at* ***one (01)*** *bank to carry out transactions related to foreign indirect investment in Vietnam.*

* 1. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam được mở thêm tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng với mã số giao dịch chứng khoán được cấp tại 01 (một) ngân hàng trong các trường hợp sau đây:

*A foreign investor may open additional indirect investment accounts corresponding to the number of securities trading codes issued in the following cases:*

* 1. Nhà đầu tư nước ngoài là công ty chứng khoán nước ngoài được mở 02 (hai) tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng với 02 (hai) mã số giao dịch chứng khoán được cấp: 01 (một) tài khoản đầu tư gián tiếp cho hoạt động tự doanh của mình và 01 (một) tài khoản đầu tư gián tiếp cho hoạt động môi giới chứng khoán của công ty;

*A foreign investor that is a* ***foreign securities company*** *may open* ***two (02)*** *indirect investment accounts for its two securities trading codes: one for* ***proprietary trading*** *and one for* ***brokerage activities.***

* 1. Nhà đầu tư nước ngoài là quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ nước ngoài được mở thêm tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng với mã số giao dịch chứng khoán được cấp, trong đó mỗi danh mục đầu tư được quản lý bởi một công ty quản lý quỹ nước ngoài được mở 01 (một) tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng với 01 (một) mã số giao dịch chứng khoán được cấp; danh mục đầu tư do quỹ đầu tư, tổ chức nước ngoài tự quản lý mà đã được cấp 01 (một) mã số giao dịch chứng khoán riêng thì được mở 01 (một) tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng;

*A foreign investor that is a* ***foreign investment fund or foreign organization*** *managed by multiple foreign fund management companies may open additional indirect investment accounts corresponding to the securities trading codes granted, with* ***each portfolio managed by a different fund management company having its own account****. If the portfolio is self-managed by the foreign investor and a separate trading code has been issued, then one indirect investment account may be opened for that portfolio.*

* 1. Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên được mở thêm tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng với các mã số giao dịch chứng khoán được cấp, trong đó mỗi danh mục đầu tư lưu ký tại một ngân hàng lưu ký đã được cấp 01 (một) mã số giao dịch chứng khoán thì được mở 01 (một) tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng.

*A foreign investor that is a* ***governmental investment organization*** *or a* ***financial institution of an international organization*** *in which Vietnam is a member may open additional indirect investment accounts corresponding to each trading code granted, with each portfolio held in custody at a different custodian bank allowed to have a separate indirect investment account.*

* 1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài được mở thêm tài khoản đầu tư gián tiếp tương ứng với mã số giao dịch chứng khoán được cấp quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài nộp tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

*In the above cases, foreign investors must submit documents proving that they have been issued a securities trading code by the competent Vietnamese authority as required by securities law.*

* 1. Đối với hồ sơ mở tài khoản đầu tư gián tiếp để thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì thực hiện như sau:

*For applications to open indirect investment accounts for investment in Vietnam’s securities market, the following requirements apply if documents are in a foreign language or issued by foreign authorities:*

1. Tài liệu phải được công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài trong vòng 12 tháng tính đến ngày VAB nhận hồ sơ;

*Documents must be notarized/certified in accordance with either Vietnamese or applicable foreign law and must be valid within 12 months prior to the date VAB receives the application;*

1. Các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch toàn bộ ra tiếng Việt (ngoại trừ hộ chiếu/visa chỉ dịch ra tiếng Việt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và bản dịch tiếng Việt phải được công chứng/chứng thực hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật. Bản dịch ra tiếng Việt phải đính kèm bản chính bằng tiếng nước ngoài để kiểm tra, đối chiếu.

*Documents in foreign languages must be* ***fully translated into Vietnamese*** *(except passports/visas, unless required by law). The Vietnamese translation must be* ***notarized/certified or legalized****, and must be submitted together with the original document in the foreign language for comparison.*

* 1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép khác thì phải chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản đầu tư gián tiếp đang sử dụng sang tài khoản đầu tư gián tiếp mới và thực hiện đóng tài khoản đầu tư gián tiếp đang sử dụng. Tài khoản đầu tư gián tiếp mới chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi tại khoản 4 Điều này sau khi đã đóng và tất toán tài khoản đầu tư gián tiếp đã mở trước đây.

*If a foreign investor wishes to open an indirect investment account at another authorized bank, they must* ***transfer the full balance*** *from the current account to the new one and* ***close the existing account****. The new account can only be used for the transactions listed in Clause 4 (to be continued) after the previous account has been closed and settled.*

1. **Sử dụng tài khoản đầu tư gián tiếp**

***Use of Indirect Investment Account***

Tài khoản đầu tư gián tiếp được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam sau đây:

*The indirect investment account shall be used for carrying out the following receipts and payments related to foreign indirect investment activities in Vietnam:*

* 1. Phần thu:

*Receipts:*

1. Thu từ bán ngoại tệ cho ngân hàng được phép;

*Proceeds from selling foreign currency to an authorized bank;*

1. Thu từ chuyển nhượng vốn góp, cổ phần, bán chứng khoán và các giấy tờ có giá khác; nhận cổ tức, trái tức, lãi từ đầu tư chứng khoán và giấy tờ có giá phát sinh bằng đồng Việt Nam; lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp từ hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

*Proceeds from capital transfer, sale of shares, securities, and other valuable papers; dividends, bond interests, returns from securities and valuable paper investments in VND; profits distributed from equity contributions, share purchases, and capital contributions related to foreign indirect investment activities in Vietnam;*

1. Thu chuyển khoản từ TKTT bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép (không bao gồm tài khoản đầu tư gián tiếp);

*Transfers from VND payment accounts of the foreign investor opened at authorized banks (excluding indirect investment accounts);*

1. Thu chuyển khoản từ tài khoản của công ty quản lý quỹ và các tổ chức khác được phép thực hiện nghiệp vụ nhận ủy thác đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam dưới hình thức ủy thác đầu tư);

*Transfers from accounts of fund management companies and other entities authorized to undertake entrusted investment activities on behalf of foreign investors, as permitted by law (applicable when investment is carried out via entrustment);*

1. Thu chuyển khoản các khoản lãi và nguồn thu hợp pháp khác khi thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán;

*Transfers of interest and other lawful income related to trading stocks under the* ***non-pre-funded trading mechanism*** *(i.e., without sufficient funds at order placement) by foreign institutional investors, in accordance with current securities laws;*

1. Thu chuyển khoản tiền đặt cọc, ký quỹ thực hiện các giao dịch đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

*Transfers of deposits or margin payments related to foreign indirect investment transactions in Vietnam as stipulated in Clause 2 of this Article, including:*

1. Nhận tiền để thực hiện giao dịch đặt cọc, ký quỹ;

*Receipt of funds for deposits or margin requirements;*

1. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc, kỹ quỹ cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên;

*Refunds of deposits or margins made by foreign investors in accordance with legal provisions and mutual agreements;*

1. Thu chuyển khoản từ tài khoản đầu tư gián tiếp cũ (áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép khác quy định tại điểm e khoản 3 Điều này).

*Transfers from a previously opened indirect investment account (applicable when the foreign investor opens a new indirect investment account at another authorized bank as per Clause e, Article 12).*

* 1. Phần chi:

*Payments:*

1. Chi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, chứng khoán và các giấy tờ có giá khác;

*Payments for capital contributions, share purchases, capital contributions, securities, and other valuable papers;*

1. Chi mua ngoại tệ tại ngân hàng được phép để chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài;

*Purchase of foreign currency from authorized banks for the remittance of capital, profits, and other lawful proceeds abroad;*

1. Chi chuyển khoản sang TKTT bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép (không bao gồm tài khoản đầu tư gián tiếp);

*Transfers to VND payment accounts of the foreign investor at authorized banks (excluding indirect investment accounts);*

1. Chi chuyển khoản sang tài khoản của các công ty quản lý quỹ và các tổ chức khác được phép thực hiện nghiệp vụ nhận ủy thác đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật (áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam dưới hình thức ủy thác đầu tư);

*Transfers to accounts of fund management companies and other organizations authorized to perform entrusted investment services for foreign investors under Vietnamese law (applicable when investing via entrustment);*

1. Chi thanh toán các khoản lỗ và các chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán;

*Settlement of losses and other expenses arising from stock trades under S* ***non-pre-funded trading mechanism*** *for foreign institutional investors under current securities regulations;*

1. Chi thanh toán các khoản phí, lệ phí, thuế, nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí liên quan đến các giao dịch đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều này;

*Payment of fees, charges, taxes, administrative fines, and other costs associated with indirect investment activities in Vietnam as stated in Clause 2 of this Article;*

1. Chi chuyển khoản tiền đặt cọc, ký quỹ liên quan đến các giao dịch đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều này gồm:

*Transfers of deposits or margins related to foreign indirect investment transactions as stated in Clause 2 of this Article, including*:

1. Để thực hiện giao dịch đặt cọc, ký quỹ;

*Making deposits or margin payments;*

1. Chuyển sang TKTT bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài hoặc chi mua ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài khoản tiền đặt cọc, ký quỹ nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vào Việt Nam nhưng được hoàn trả theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên;

*Transfers to VND payment accounts of foreign investors or converting into foreign currency for outward remittance to the foreign investor in case deposits or margins are refunded in accordance with the law and agreements between parties*;

1. Chi chuyển khoản sang tài khoản đầu tư gián tiếp mới (áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại một ngân hàng được phép khác quy định tại điểm e khoản 3 Điều này).

*Transfers to a new indirect investment account (applicable when the foreign investor opens a new indirect investment account at another authorized bank as per Point e, Article 12).*

1. **Nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài**

***Obligations of the Foreign Investor***

1. Tuân thủ các quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này, quy định pháp luật Việt Nam về đầu tư, chứng khoán, phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các quy định của pháp luật có liên quan.

*Comply with the Terms and Conditions herein, Vietnamese laws on investment, securities, anti-money laundering, counter-terrorism financing, prevention of the proliferation of weapons of mass destruction, and other relevant legal provisions*.

1. Kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu theo quy định của ngân hàng được phép khi thực hiện mở và sử dụng tài khoản đầu tư gián tiếp. Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính xác thực, hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp cho ngân hàng được phép.

*Truthfully and fully declare all transaction details related to foreign indirect investment in Vietnam. Provide documents, records, information, and data as required by the authorized bank when opening and using the indirect investment account. Take legal responsibility under Vietnamese law for the accuracy, legality, and validity of all submitted documentation and information.*

**PHẦN D. DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ**

***PART D. DEBIT CARD SERVICES***

1. **Quyền của Chủ thẻ:**

***Article 13. Rights of the Cardholder:***

* 1. Sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hoá và dịch vụ tại các ĐVCNT, giao dịch thanh toán trực tuyến và/hoặc rút tiền mặt trong và/hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của VAB từng thời kỳ

*Use the card to pay for goods and services at merchants (ĐVCNT), make online payments, and/or withdraw cash inside or outside Vietnam as regulated by VAB from time to time*.

* 1. Đề nghị thay thế, tái cấp hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ bằng văn bản hoặc hình thức khác do VAB quy định. Việc thay thế, tái cấp Thẻ hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ không miễn trừ các nghĩa vụ đã phát sinh và trách nhiệm của Chủ thẻ được quy định trong thỏa thuận.

*Request replacement, reissuance, or termination of the card by written or other forms prescribed by VAB. Such actions do not exempt the cardholder from previously incurred obligations and responsibilities as stipulated in the agreement*.

* 1. Yêu cầu VAB thực hiện tra soát, khiếu nại về các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ do VAB cung cấp.

*Request VAB to investigate and resolve complaints related to issues arising from using the card services provided by VAB.*

* 1. Yêu cầu cấp lại Thẻ, cấp lại PIN và các yêu cầu liên quan đến việc phát hành, quản lý và sử dụng thẻ theo quy định của VAB, khiếu nại, đề nghị tra soát giao dịch Thẻ (phù hợp với Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này và thỏa thuận khác (nếu có) giữa Chủ thẻ và VAB).

*Request reissuance of the card, PIN, and other services related to card issuance, management, and use, including complaints and transaction dispute investigations according to the agreement and applicable terms.*

* 1. Các quyền khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về phát hành và sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.

*Other rights as stated in the agreement, terms and conditions, other agreements (if any), and relevant laws and VAB regulations*.

1. **Nghĩa vụ của Chủ thẻ**

***Article 14. Obligations of the Cardholder***

* 1. Tuân thủ các quy định, thủ tục, hướng dẫn của VAB liên quan đến việc mở và sử dụng Thẻ được ban hành từng thời kỳ.

*Comply with regulations, procedures, and instructions issued by VAB regarding card issuance and usage.*

* 1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản phí, lãi và các khoản khác phát sinh liên quan đến sử dụng thẻ (bao gồm cả thẻ phi vật lý (nếu có)) theo theo biểu phí của VAB công bố trên website hoặc tại các Đơn vị kinh doanh của VAB từng thời kỳ.

*Fully and timely pay fees, interest, and other charges related to card use (including virtual cards if any) per VAB’s published fee schedule*.

* 1. Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, rõ ràng, chính xác về các thông tin liên quan đến việc mở và sử dụng Thẻ đồng thời cập nhật và thông báo bằng văn bản cho VAB bất kỳ sự thay đổi nào về những thông tin đã đăng ký (nếu có). Trường hợp không thông báo, nếu có phát sinh rủi ro, tổn thất thì Khách hàng phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm, thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ do lỗi của mình hoặc do không cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin.

*Provide accurate, clear, and complete information for card issuance and usage; update and notify VAB in writing of any changes. Failure to notify may result in the cardholder bearing all financial losses and risks from errors or fraud caused by inaccurate or untimely information.*

* 1. Chủ thẻ có trách nhiệm tự bảo mật các thiết bị (máy điện thoại, sim điện thoại, máy tính cá nhân, máy tính bảng, …), không được chuyển nhượng Thẻ hoặc đưa Thẻ cho người khác sử dụng, không được tiết lộ thông tin Thẻ, tên đăng nhập, PIN, OTP và các thông tin phải bảo mật khác của Thẻ đã được VAB cung cấp và chịu mọi trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào mà Chủ thẻ phải chịu do hoặc liên quan đến việc không tuân thủ các quy định bảo mật thông tin Thẻ theo quy định pháp luật và quy định VAB từng thời kỳ.

*The Cardholder is responsible for self-securing their devices (mobile phones, SIM cards, personal computers, tablets, etc.), must not transfer the Card or allow another person to use the Card, must not disclose the Card information, login name, PIN, OTP, and other confidential Card information provided by VAB, and shall bear all liability for any loss or damage incurred by the Cardholder due to or in connection with the failure to comply with the regulations on Card information security as prescribed by law and VAB's regulations from time to time.*

* 1. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm đối với tất cả thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho VAB và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) liên quan đối với các giao dịch thẻ, nếu:

*Be responsible for damages and compensate VAB or third parties for losses related to card transactions if:*

1. Phát sinh từ việc Chủ thẻ không tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận với VAB tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này trong quá trình sử dụng thẻ;

*Violating agreed terms with VAB during card use;*

1. Phát sinh từ việc Chủ thẻ gian lận hoặc bị lợi dụng hoặc không tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận với VAB, các quy định bảo mật thông tin Thẻ theo quy định pháp luật và quy định VAB từng thời kỳ;

*Fraud, misuse, or failure to comply with security regulations;*

1. Các giao dịch thẻ trái pháp luật và quy định của VAB.

*Illegal card transactions or those violating VAB rules.*

* 1. Thông báo ngay lập tức với Hotline khi Chủ thẻ phát hiện bị mất/thất lạc Thẻ; phát hiện hoặc nghi ngờ việc truy cập trái phép, lộ chữ ký điện tử, tài khoản truy cập, mật khẩu, thông tin cá nhân, thông tin giao dịch, … hoặc các trường hợp khác phát hiện hoặc nghi ngờ Thẻ bị gian lận, lợi dụng.

*Immediately report to VAB’s hotline upon loss, theft, or suspicion of unauthorized access or fraud related to the card or account.*

* 1. Trực tiếp đến VAB nhận Thẻ và kích hoạt thẻ hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận thẻ trong vòng 45 ngày kể từ ngày VAB thông báo. Sau thời hạn này, Thẻ sẽ bị hủy và Khách hàng vẫn phải chịu các chi phí liên quan đến phát hành Thẻ.

*Collect and activate the card within 45 days from VAB’s notification, personally or via authorized person. Otherwise, the card will be canceled, and the cardholder must still bear issuance costs.*

* 1. Không hủy hoặc thay đổi bất kỳ giao dịch Thẻ nào đã được thực hiện thành công tại máy máy giao dịch tự động, máy rút tiền và ĐVCNT mà được hệ thống VAB ghi nhận.

*Cannot cancel or modify any successful card transactions recorded by VAB’s system (including ATM, merchants, etc.).*

* 1. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và rủi ro (nếu có) liên quan đến các giao dịch thanh toán trực tuyến bằng Thẻ của Khách hàng.

*Bear full responsibility and risks related to online card transactions*.

* 1. Chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ và giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến hàng hóa, dịch vụ khi dùng Thẻ làm phương tiện thanh toán.

*Responsible for goods/services quality and resolving disputes with merchants related to card payments.*

* 1. Cam kết hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho VAB theo yêu cầu của VAB đối với các khoản tiền có được do nhầm lẫn trong quá trình giao dịch, do sự cố của hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin. Chủ thẻ đồng ý để VAB tự động ghi nợ, tạm khóa và trích tiền trên các tài khoản thanh toán/tiền gửi của Chủ thẻ mở tại VAB để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ.

*Commit to immediate and unconditional reimbursement to VAB for any amounts mistakenly credited due to system errors; VAB may debit or freeze cardholder accounts without prior notice to recover funds*.

* 1. Hợp tác với VAB trong quá trình điều tra các giao dịch gian lận phát sinh liên quan đến Thẻ bằng cách cung cấp các thông tin liên quan giao dịch thẻ theo yêu cầu của VAB;

*Cooperate with VAB in fraud investigations by providing transaction information as requested.*

* 1. Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo ngay cho VAB về các giao dịch Thẻ mà Chủ thẻ không thực hiện.

*Promptly inform VAB about unauthorized card transactions*.

* 1. Khi Thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc lộ thông tin, Chủ thẻ phải báo ngay cho VAB qua số hotline [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 của VAB hoặc bằng văn bản tại các đơn vị kinh doanh VAB. Chủ thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ được thực hiện trước khi VAB nhận được thông báo về việc mất cắp, thất lạc hoặc lộ thông tin thẻ.

*Report immediately via hotline or written form if the card is lost, stolen, or compromised; cardholder is liable for transactions before VAB receives notice*.

* 1. Không sử dụng lại Thẻ đã thông báo mất, thất lạc và hoàn trả Thẻ cho VAB khi: tìm lại được Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của VAB.

*Do not reuse cards reported lost or stolen; return such cards when found, expired, or upon VAB’s request*.

* 1. Chủ thẻ được quyền yêu cầu VAB cung cấp thông tin về số dư tài khoản Thẻ, lịch sử giao dịch Thẻ và các thông tin cần thiết khác liên quan tới việc sử dụng Thẻ. Để được cung cấp thông tin, Chủ thẻ có thể trực tiếp đến các đơn vị kinh doanh của VAB hoặc liên hệ với VAB thông qua số Hotline [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 hoặc thông qua phương thức khác do VAB quy định từng thời kỳ.Các nghĩa vụ khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về phát hành và sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.

*The Cardholder has the right to request VAB to provide information on the Card account balance, Card transaction history and other necessary information related to the use of the Card. To be provided with information, the Cardholder can go directly to VAB's business units or contact VAB via Hotline 1900 555 590/02836 222 590 or through other methods as prescribed by VAB from time to time. Other obligations are recorded in the Agreement, this Terms and Conditions, other Agreements (if any), regulations on issuance and use of Cards according to the provisions of law and of VAB from time to time.*

1. **Quyền và nghĩa vụ của VAB**

***Article 15. Rights and Obligations of VAB***

* + - 1. **Quyền của VAB**

***Rights of VAB*:**

* 1. Ghi nợ TK khách hàng các khoản phí và các khoản thanh toán liên quan đến việc sử dụng Thẻ do VAB cung cấp.

*Debit the customer’s account for fees and payments related to card use provided by VAB*.

* 1. Được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp Thẻ bị lợi dụng thực hiện các giao dịch mà Khách hàng chưa kịp thông báo cho VAB hoặc VAB chưa xác nhận hoàn tất việc xử lý Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lợi dụng và các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

*Be exempt from liability if the card is used fraudulently before the customer notifies VAB, or before VAB confirms completion of card loss/theft/blocking procedures, or in cases of force majeure as defined by law.*

* 1. Ngoài các trường hợp phải từ chối thanh toán thẻ theo quy định của pháp luật, VAB có quyền từ chối thanh toán thẻ trong trường hợp:

*Besides cases where card payment refusal is mandated by law, VAB has the right to refuse payment in cases where:*

1. Số dư tài khoản thanh toán hoặc hạn mức thấu chi còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán;

*The payment account balance or overdraft limit is insufficient;*

1. Tài khoản gắn với Thẻ bị phong tỏa/bị đóng;

*The account linked to the card is frozen or closed;*

1. Chủ thẻ không thực hiện đúng các quy định của VAB về việc sử dụng thẻ.

*The cardholder violates VAB’s regulations on card usage.*

* 1. Trường hợp trả thẻ theo lô, nếu Chủ thẻ không chủ động kích hoạt thẻ trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày ký xác nhận đã nhận thẻ, VAB có quyền thực hiện việc kích hoạt thẻ

*For batch card issuance, if the cardholder does not activate the card within 10 days after signing confirmation of receipt, VAB has the right to activate the card.*

* 1. Được quyền khoá Thẻ khi nhận được thông báo hoặc nghi ngờ Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ thông tin thẻ hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng mà không cần có yêu cầu từ Chủ thẻ;

*Has the right to block the card upon receiving notice or suspicion of loss, theft, information leak, or suspected misuse, without a request from the cardholder.*

* 1. Có quyền khóa/ngừng sử dụng Thẻ/hủy hiệu lực của Thẻ mà không phải hoàn lại các khoản phí trong các trường hợp: (i) Khách hàng vi phạm các quy định về sử dụng thẻ và quản lý tài khoản của VAB hoặc khi có quyết định/yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, (ii) các trường hợp nghi ngờ liên quan đến giả mạo hoặc rủi ro.

*Has the right to lock/disable or cancel the card without refunding fees in cases of: (i) Customer violating VAB’s card use/account management policies; (ii) Written requests/decisions from competent authorities; (iii) Suspected fraud or risk cases*.

* 1. Được quyền thu hồi Thẻ theo các trường hợp pháp luật quy định bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Khách hàng hoặc thông qua bên thứ ba. Trong trường hợp này, VAB được miễn trách nhiệm đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Khách hàng trong việc yêu cầu thu hồi lại Thẻ.

*VAB reserves the right to revoke the Card at any time as provided by law, by notifying the customer of such revocation or through a third party. In this case, VAB shall be exempt from liability for any harm to the customer's honor or reputation caused by the request to revoke the Card*

* 1. Không chịu trách nhiệm về việc giao hàng, chất lượng hàng hóa/dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ. Được quyền ghi nợ vào TK của Khách hàng các giao dịch thanh toán bằng Thẻ cho dù hàng hóa/dịch vụ có được giao/nhận hoặc được thực hiện hay không.

*Not responsible for delivery or quality of goods/services paid by card; has the right to debit the customer’s account for card transactions regardless of whether goods/services were received or performed.*

* 1. Trong trường hợp Khách hàng có bằng văn bản gửi đến VAB yêu cầu đóng tài khoản được kết nối với Thẻ, VAB sẽ tự động hủy Thẻ kết nối trực tiếp với tài khoản đó mà không cần thông báo cho Khách hàng.

*If the customer sends a written request to close the account linked to the card, VAB will automatically cancel the card linked to that account without further notice.*

* 1. Được miễn trách đối với các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến các dịch vụ ưu đãi được cung cấp bởi đối tác phát hành thẻ, ĐVCNT hoặc bên thứ ba.

*Exempt from liability for disputes or complaints related to promotional services provided by card issuing partners, merchants, or third parties.*

* 1. Được miễn trách trong trường hợp Thẻ không được bảo đảm an toàn hoặc bị lộ PIN do lỗi và/hoặc sơ suất của Khách hàng hoặc bên thứ ba.

*Exempt from liability if card security or PIN leaks occur due to customer or third party’s negligence or fault.*

* 1. VAB hoàn toàn không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ phương hại nào đến danh dự, uy tín của Chủ thẻ về việc chấm dứt/tạm ngưng sử dụng Thẻ.

*Not responsible for any damage to cardholder’s reputation from termination or suspension of card use.*

* 1. Được quyền yêu cầu Khách hàng cung cấp các thông tin, các chứng từ liên quan đến giao dịch Thẻ do Khách hàng thực hiện nhằm xác minh tính hợp pháp của các giao dịch này.

*Has the right to request the customer provide information and documents related to card transactions for legality verification*.

* 1. Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu giả mạo, không hợp pháp hoặc khách hàng thuộc Danh sách đen theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, VAB có quyền báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền và xử lý theo quy định pháp luật.

*If discovering that a customer uses forged or illegal documents/data or is on a blacklist under anti-money laundering laws, VAB may report to competent authorities and handle according to legal regulations*.

* 1. Các quyền khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về phát hành và sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.

*Other rights as stipulated in the agreement, terms and conditions, other agreements (if any), and applicable laws and VAB regulations from time to time.*

* + - 1. **Nghĩa vụ của VAB**

***Obligations of VAB***

* 1. Tuân thủ các quy định về phát hành và thanh toán thẻ của Ngân hàng Nhà nước, các Tổ chức thẻ và VAB, đảm bảo các quyền lợi của Chủ thẻ, lưu giữ các thông tin của Chủ thẻ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Comply with the regulations on card issuance and payment set by the State Bank of Vietnam, Card Organizations, and VAB; ensure the rights and benefits of Cardholders; and keep Cardholders’ information confidential, except when otherwise required by law.*

* 1. Thực hiện việc khoá Thẻ trong vòng 01 (một) giờ kể từ khi nhận được thông báo của Khách hàng về việc thẻ bị thất lạc, mất cắp hoặc lộ thông tin thẻ và chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính phát sinh đối với Chủ thẻ do việc sử dụng thẻ sau thời điểm khóa thẻ.

*Lock the Card within 01 (one) hour upon receiving notification from the Customer about card loss, theft, or information leakage, and take responsibility for all financial losses incurred by the Cardholder due to card usage after the card is locked.*

* 1. VAB chịu trách nhiệm hạch toán các giao dịch Thẻ vào TK của Khách hàng: (i) cùng ngày làm việc đối với các giao dịch thẻ được thực hiện trước giờ khóa sổ hàng ngày theo quy định nghiệp vụ của VAB; (ii) vào ngày làm việc tiếp theo đối với các giao dịch thẻ được thực hiện sau giờ khóa sổ hàng ngày theo quy định nghiệp vụ của VAB.

*VAB is responsible for accounting card transactions into the Customer’s account as follows: (i) on the same business day for card transactions conducted before VAB’s daily cut-off time according to VAB’s operational procedures; (ii) on the next business day for card transactions conducted after the daily cut-off time as per VAB’s operational procedures.*

* 1. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng và thanh toán Thẻ.

*Resolve Cardholder disputes and complaints related to card usage and payment.*

* 1. Công bố thông tin trên website chính thức của VAB hoặc email hoặc các hình thức khác do VAB quy định từng thời kỳ về lãi suất, các loại phí mà Chủ thẻ phải trả và các thay đổi khác liên quan việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ trước ít nhất 07 ngày đến khi áp dụng.

*Publish information on VAB’s official website, via email, or other forms as regulated by VAB from time to time regarding interest rates, fees payable by Cardholders, and other changes related to card usage at least 07 days prior to implementation*.

* 1. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận và cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung trong về FATCA.

*Comply with laws and regulations on anti-corruption, anti-money laundering, counter-terrorism financing, prevention of proliferation financing of weapons of mass destruction, sanctions compliance, and fully commit to adhering to FATCA requirements*.

* 1. Các nghĩa vụ khác được ghi nhận tại Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này, Thỏa thuận khác (nếu có), các quy định về phát hành và sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.

*Fulfill other obligations recorded in this Agreement, Terms and Conditions, other agreements (if any), and card issuance and usage regulations under applicable laws and VAB’s provisions from time to time*.

1. **Quản lý sử dụng thẻ:**

***Article 16. Card Usage Management:***

1. Sau khi thẻ được phát hành/thay thế thành công, VAB sẽ thông báo bằng các phương thức theo quy định của VAB từng thời kỳ cho KH. Chủ thẻ phải liên hệ nhận Thẻ/PIN (nếu có) trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của VAB về việc được phát hành/thay thế thẻ thành công, trừ khi có thoả thuận khác giữa VAB và Chủ thẻ về thời hạn nhận Thẻ/PIN (nếu có). Sau thời gian trên, VAB sẽ tiến hành xử lý Thẻ/PIN không được nhận theo quy định của VAB đối với việc không nhận Thẻ/PIN của Chủ thẻ từng thời kỳ.

*After the card is successfully issued/replaced, VAB will notify the Customer via methods regulated by VAB from time to time. The Cardholder must contact VAB to receive the Card/PIN (if any) within 30 days from the notification date of successful card issuance/replacement, unless otherwise agreed between VAB and the Cardholder regarding the deadline to receive the Card/PIN. After this period, VAB will handle uncollected Cards/PINs according to VAB’s regulations on unclaimed Cards/PINs*.

1. Chủ thẻ chính được đề nghị VAB phát hành tối đa 03 thẻ phụ hoặc theo quy định của VAB từng thời kỳ; Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm với VAB về việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ.

*The primary Cardholder may request VAB to issue up to 03 supplementary cards or according to VAB’s regulations from time to time; the primary Cardholder is responsible to VAB for the use of supplementary cards.*

1. Thẻ chính chấm dứt sử dụng thẻ thì (các) thẻ phụ cũng chấm dứt sử dụng thẻ.

*When the primary card is terminated, all supplementary cards shall also be terminated*.

1. Chủ thẻ cần tuân thủ các quy định dưới đây để bảo mật thông tin Thẻ/số PIN:

*The Cardholder must comply with the following rules to keep Card/PIN information secure:*

* 1. Ký tên vào mặt sau Thẻ tại phần chữ ký Chủ thẻ bằng bút bi ngay sau khi nhận được Thẻ và sử dụng chữ ký này khi thực hiện Giao dịch;

*Sign the back of the Card in the Cardholder’s signature field with a pen immediately upon receipt and use this signature for transactions*;

* 1. Không tiết lộ số PIN, các thông tin trên Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn ở Số thẻ, Ngày hiệu lực thẻ (kể cả người thân trong gia đình, bạn bè);

*Do not disclose the PIN or any information on the Card including but not limited to Card number, expiration date (including to family members or friends);*

* 1. Không chuyển nhượng, không cho phép bất kỳ người nào khác sử dụng Thẻ;

*Do not transfer or allow any other person to use the Card;*

* 1. Không ghi lại số PIN trên bất kỳ vật nào được mang theo hoặc đặt gần Thẻ;

*Do not record the PIN on any item carried with or placed near the Card;*

* 1. Kiểm đếm đủ số tiền giao dịch trước khi rời ATM.

*Count the cash received before leaving the ATM*.

1. Trong trường hợp Thẻ/thông tin liên quan đến Thẻ/số PIN bị mất/bị đánh cắp/bị sử dụng bởi người khác mà không có sự chấp thuận của Chủ thẻ hoặc Chủ thẻ nghi ngờ Thẻ bị lộ thông tin, Chủ thẻ phải:

*In case the Card/Card-related information/PIN is lost, stolen, or used by others without the Cardholder’s consent, or the Cardholder suspects card information leakage, the Cardholder must*:

* 1. Thông báo ngay cho VAB qua Hotline [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 hoặc bất kỳ đơn vị kinh doanh nào của VAB

*Immediately notify VAB via Hotline 1900 555 590 / 02836 222 590 or any VAB business unit*;

* 1. Cung cấp các thông tin về thời gian, địa điểm Thẻ bị mất, thông tin liên quan đến Thẻ/số PIN bị lộ/đánh cắp, các giao dịch thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu của VAB;

*Provide information about the time and place of loss, details of leaked/stolen Card/PIN information, recent transactions, and other information requested by VAB;*

* 1. Nộp lại Thẻ chính và (các) Thẻ phụ cho VAB trong trường hợp Chủ thẻ nghi ngờ gian lận và khẳng định không thực hiện Giao dịch trong khi vẫn cầm giữ Thẻ;

*Return the primary and supplementary cards to VAB if the Cardholder suspects fraud and confirms no transactions were made while still holding the Card;*

* 1. Trường hợp Thẻ nghi ngờ đã bị lộ thông tin, Chủ thẻ không được thực hiện kích hoạt/mở khóa Thẻ. Nếu tìm lại hoặc thu hồi được Thẻ bị mất hoặc thất lạc sau khi Chủ thẻ đã thông báo cho VAB, Chủ thẻ không được sử dụng lại Thẻ này mà phải cắt đôi Thẻ, gửi lại cho VAB và yêu cầu phát hành lại thẻ mới để sử dụng;

*If card information is suspected to be leaked, the Cardholder must not activate/unlock the Card. If the lost/misplaced Card is found or recovered after notification to VAB, the Cardholder must not reuse the Card but must cut it in half, return it to VAB, and request issuance of a new card;*

* 1. VAB phải thực hiện xử lý việc khoá thẻ trong vòng 01 (một) giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của Chủ thẻ.

*VAB must lock the Card within 01 (one) hour from the time of receiving the Cardholder’s notification*.

1. Chủ thẻ có quyền yêu cầu VAB thực hiện xử lý các yêu cầu đối với dịch vụ thẻ qua hotline [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 và các kênh điện tử khác bao gồm nhưng không giới hạn như VAB internetbanking, VAB EZmobile,…phù hợp với các thoả thuận giữa VAB và Chủ thẻ. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm và rủi ro (nếu có) đối với các yêu cầu về dịch vụ Thẻ. VAB có quyền:

*The Cardholder has the right to request VAB to handle card service requests via hotline 1900 555 590 / 02836 222 590 and other electronic channels including but not limited to VAB internet banking, VAB EZmobile, etc., in accordance with agreements between VAB and the Cardholder. The Cardholder is responsible for and assumes risks (if any) related to card service requests. VAB has the right to*:

* 1. Thực hiện ghi âm (các) cuộc cuộc trao đổi/ giao dịch qua điện thoại giữa VAB và Chủ thẻ để làm chứng từ đề nghị liên quan đến nghiệp vụ thẻ từ Chủ thẻ; đồng thời là bằng chứng giải quyết tranh chấp giữa các bên (nếu có);

*Record telephone conversations between VAB and the Cardholder as documentary evidence of the Cardholder’s requests related to card operations; these recordings also serve as evidence for dispute resolution (if any);*

* 1. Đề nghị Chủ thẻ cung cấp các bằng chứng chứng minh việc thực hiện/không thực hiện giao dịch.

*Request the Cardholder to provide evidence proving or disproving transactions.*

1. Trong trường hợp có phát sinh yêu cầu tra soát, khiếu nại Chủ thẻ phải thông báo cho VAB theo các hình thức sau:

*For dispute or complaint requests, the Cardholder must notify VAB via:*

1. Chủ thẻ trực tiếp đến các đơn vị kinh doanh của VAB

*Directly visiting VAB’s business units;*

1. Chủ thẻ gọi điện thoại đến Hotline [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 của VAB để yêu cầu giải quyết tra soát, khiếu nại

*Calling VAB’s Hotline* [*1900 555 590*](tel:1900555590)*/02836 222 590 to request resolution*;

1. Tra soát bằng các hình thức khác do VAB quy định từng thời kỳ; Trong trường hợp yêu cầu tra soát, khiếu nại qua số Hotline, Chủ thẻ có trách nhiệm đến các đơn vị kinh doanh của VAB để bổ sung Giấy đề nghị tra soát, khiếu nại và hợp tác, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan nếu VAB yêu cầu.

*Other dispute handling methods regulated by VAB from time to time. When disputes or complaints are requested via Hotline, the Cardholder is responsible for submitting a written dispute/complaint form and cooperating by providing documents if VAB requests.*

1. VAB có quyền khóa thẻ/tạm ngừng giao dịch thẻ/chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ trong trường hợp xảy ra một trong các sự kiện sau:

*VAB has the right to lock the card/suspend card transactions/terminate card use in any of the following cases*:

* 1. Thẻ hết hạn hiệu lực nhưng chủ thẻ không tiếp tục gia hạn thẻ;

*The Card has expired but the Cardholder does not renew it;*

* 1. Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ;

*The Cardholder requests card termination;*

* 1. Đối với thẻ đồng thương hiệu, VAB thực hiện chấm dứt sử dụng Thẻ khi có yêu cầu từ đối tác đồng phát hành thẻ;

*For co-branded cards, VAB terminates card use upon request from co-issuing partners;*

* 1. Khi Thẻ có dấu hiệu lộ thông tin thẻ hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng;

*The Card shows signs of information leakage or suspected misuse;*

* 1. Chủ thẻ sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để phát hành thẻ, sử dụng thẻ giả/sử dụng thẻ sai mục đích, sử dụng thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật vi phạm pháp luật và/hoặc thông tin, tài liệu do Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;

*The Cardholder uses forged documents, impersonates others to issue cards, uses counterfeit cards/uses cards improperly, or uses cards for fraud, illegal activities, or other cases violating laws or providing false, inaccurate information to VAB;*

* 1. Các trường hợp liên quan đến yếu tố giả mạo và quản lý rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung như: Thẻ có dấu hiệu bị gian lận hoặc vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp khác theo đánh giá của VAB từng thời kỳ, thẻ bị mất hoặc giao dịch khống hoặc vi phạm chính sách và/hoặc quy định của VAB, quy định pháp luật);

*Cases involving forgery and risk management issues (including but not limited to signs of fraud, legal violations, card loss, false transactions, or policy violations as assessed by VAB from time to time);*

* 1. Tài khoản gắn với Thẻ bị phong tỏa, bị đóng hoặc không có bất kỳ giao dịch chủ động nào trong vòng 180 ngày liên tục kể từ ngày phát sinh giao dịch cuối cùng hoặc trong khoảng thời gian khác do VAB quy định từng thời kỳ;

*The account linked to the Card is blocked, closed, or inactive with no transactions for 180 consecutive days or other periods regulated by VAB;*

* 1. Chủ thẻ chết hoặc bị tuyên bố chết, mất tích hoặc bị tuyên bố mất năng lực hành vi, bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VAB hoặc bị Tòa án xác định vắng mặt tại nơi cư trú;

*The Cardholder is deceased, declared missing, legally incapacitated, absconds, changes residence without notifying VAB, or is legally declared absent by court;*

* 1. Chủ thẻ không kích hoạt sau 45 ngày kể từ khi phát hành thẻ;

*The Cardholder does not activate the Card within 45 days from issuance*;

* 1. Chủ thẻ vi phạm cam kết trong Thỏa thuận, Bản Điều khoản và Điều kiện này và quy định pháp luật liên quan;

*The Cardholder violates commitments in this Agreement, Terms and Conditions, or related laws;*

* 1. Theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định của Pháp luật;

*At the request of competent state authorities or as required by law;*

* 1. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, tổ chức thẻ và quy định của VAB trong từng thời kỳ.

*Other cases as regulated by law, card organizations, and VAB from time to time.*

1. Khi chấm dứt sử dụng Thẻ, VAB sẽ tiến hành đồng thời việc thu hồi Thẻ chính và Thẻ phụ (nếu có).

*Upon termination of card use, VAB shall simultaneously collect the primary and supplementary cards (if any).*

1. Chủ thẻ được ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại và chủ thẻ thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của VAB từng thời kỳ về ủy quyền.

*The Cardholder may authorize another person to request dispute resolution or complaints, following laws and VAB’s regulations on authorization*.

1. Trường hợp Chủ thẻ không đồng ý với bất kỳ thay đổi nào của VAB về Thẻ, phí, hạn mức, …. Chủ thẻ có quyền ngừng sử dụng thẻ và thông báo cho VAB ít nhất 01 ngày làm việc trước khi thay đổi mới có hiệu lực theo quy định của VAB từng thời kỳ. Quá thời hạn trên, nếu Chủ thẻ không thực hiện chấm dứt sử dụng thẻ thì mặc nhiên được xem là Chủ thẻ đã đồng ý với việc điều chỉnh của VAB.

*If the Cardholder disagrees with any changes made by VAB regarding the Card, fees, limits, etc., the Cardholder has the right to stop using the card and notify VAB at least 01 business day before the new changes take effect as regulated by VAB from time to time. If the Cardholder does not terminate the card use within this period, it is deemed that the Cardholder agrees to VAB’s adjustments*.

**PHẦN E – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

***PART E – ENFORCEMENT PROVISIONS***

1. **Luật điều chỉnh và Giải quyết tranh chấp**

***Article 17. Governing Law and Dispute Resolution***

1. Bản Điều khoản và Điều kiện này được điều chỉnh bởi luật pháp hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào trong bản này hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Bản Điều khoản và Điều kiện này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không thể cưỡng chế thi hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều khoản hay điều kiện đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện, các phần hoặc các khoản mục khác của Bản Điều khoản và Điều kiện này.

*These Terms and Conditions are governed by the current laws of the Socialist Republic of Vietnam. If any term or condition, or any part or item of these Terms and Conditions, is declared invalid or unenforceable by a competent authority, such invalidity or unenforceability shall not affect the validity of the remaining terms, conditions, parts, or items*.

1. Những nội dung nào chưa được quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện này sẽ thực hiện theo các quy định sản phẩm, Dịch vụ của VAB và các quy định của pháp luật có liên quan.

*Any matters not stipulated in these Terms and Conditions shall be governed by the applicable product and service regulations of VAB and other relevant legal provisions.*

1. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào mà các bên không giải quyết được bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

*In the event of any dispute that cannot be resolved through negotiation in a cooperative, equal, and mutually respectful manner, such dispute shall be submitted to a competent Court for resolution in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam*.

1. **Điều khoản thi hành**

***Article 18. Enforcement Provisions***

Điều kiện giao dịch chung này được thông báo công khai trên website của VAB tại địa chỉ: <https://vietabank.com.vn> và niêm yết tại các quầy giao dịch của VAB theo đúng quy định. Bằng việc ký vào Thỏa thuận, Khách hàng Tổ chức xác nhận và cam kết đã đọc, đồng ý và tuân thủ toàn bộ các nội dung của Điều kiện giao dịch chung này.

*These General Terms and Conditions are publicly disclosed on VAB’s website at* [*https://vietabank.com.vn*](https://vietabank.com.vn) *and posted at VAB transaction counters in accordance with regulations. By signing the Agreement, the Organizational Customer confirms and commits that they have read, understood, agreed to, and will comply with all contents of these General Terms and Conditions.*

Các Điều khoản và Điều kiện của Bản Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực và được áp dụng với Khách hàng kể từ ngày Khách hàng ký Thỏa thuận và được ngân hàng chấp thuận cho đến khi VAB và Khách hàng đã thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này, quy định của VAB và các văn bản, quy định có liên quan của pháp luật.

*The Terms and Conditions herein take effect and apply to the Customer from the date the Customer signs the Agreement and is approved by the Bank, until VAB and the Customer have fully performed all rights and obligations as stipulated in these Terms and Conditions, VAB’s regulations, and relevant legal documents.*

Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở TKTT và tài khoản đầu tư gián tiếp: Khách hàng đến bất kỳ điểm giao dịch nào của VAB hoặc gọi hotline [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 để được hướng dẫn chi tiết.

*Regulations on documents, procedures, and process for opening a Payment Account or an Indirect Investment Account: Customers may visit any VAB transaction location or call the hotline at* [1900 555 590](tel:1900555590)/02836 222 590 *for detailed guidance*.

1. Hiện nay là Quy trình 4062/2022/QT-TGĐ ngày 27/12/2022 quy trình nghiệp vụ tra soát, đối soát giao dịch thẻ, chuyển tiền liên ngân hàng 24/7 qua Napas tại VAB và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thời gian áp dụng: Đối với TKTT của tổ chức là 01/07/2025 [↑](#footnote-ref-2)